



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2009

“Chúng tôi **khẳng định vị trí dẫn đầu**
về sáng tạo, sự tinh tế và đáng tin cậy
trong ngành kim hoàn và thời trang”



Mục lục

04	Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
06	Sứ mạng của công ty
08	Lịch sử phát triển của công ty
10	Các sự kiện quan trọng 2009
12	Bản đồ hệ thống phân phối PNJ - Các nhãn hàng
14	Báo cáo của Hội đồng Quản trị
17	Tình hình tài chính nổi bật
18	Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
28	Báo cáo tài chính
38	Thuyết minh báo cáo
72	Quan hệ cổ đông
78	Hội đồng quản trị
84	Tổ chức và nhân sự
88	Các giải thưởng đạt được
90	Trách nhiệm xã hội
92	Văn hóa doanh nghiệp
94	Danh bạ công ty thành viên, công ty liên kết

> THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



Kính thưa Quý Cổ đông,

Năm 2009 đi qua với sự ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính thế giới. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam được đánh giá có sự phục hồi nhanh trong khu vực Châu Á. Với sự nhạy bén, năng động và nỗ lực không ngừng, công ty PNJ đã tự tin vượt qua khủng hoảng kinh tế với mức doanh thu năm 2009 đạt 9.625,463 tỷ đồng, tăng 175% so năm 2008, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 219 tỷ đồng, tăng 67% so với năm 2008. Những thành quả đạt được giúp PNJ tiếp tục giữ vững vị trí là Thương hiệu nữ trang hàng đầu Việt Nam với sự bình chọn của người tiêu dùng, các Giải vàng chất lượng Quốc gia, Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt, Top 500 nhà bán lẻ hàng đầu Châu Á – Thái Bình Dương. Ngoài ra, Công Đoàn và Quỹ từ thiện PNJ vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng 3 do Đảng và Nhà nước trao tặng.

Đạt được kết quả như trên là do PNJ đã thực hiện những chiến lược kinh doanh phù hợp, bộ máy điều hành năng động, sức mạnh tập thể được phát huy với tinh thần quyết tâm cao. Hệ thống phân phối của PNJ phát triển rộng trên toàn quốc với 110 cửa hàng và hơn 3.000 bạn hàng sỉ. Quy trình sản xuất ngày càng hoàn thiện và áp dụng những kỹ thuật tiên tiến, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và mang lại hiệu quả cao. Công tác quản lý hàng hóa và điều hành nguồn vốn được thực hiện một cách kịp thời và hiệu quả. Các hoạt động đầu tư tài chính của PNJ là đầu tư dài hạn và tập trung vào các ngành

chiến lược, có tiềm năng như: ngân hàng, địa ốc, nhiên liệu, thực phẩm nên cũng mang lại hiệu quả cao.

Bên cạnh những thuận lợi và thành quả, thì trong năm 2009 vẫn còn đó những khó khăn và thách thức với PNJ, đặc biệt là nhu cầu mua sắm của người dân cũng còn hạn chế do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế. Nhiều thương hiệu nữ trang nước ngoài bắt đầu mở rộng hệ thống cửa hàng và đẩy mạnh quảng cáo, chiêu thị bằng nhiều hình thức. Các doanh nghiệp nữ trang trong nước cũng đã đầu tư máy móc thiết bị, mở rộng sản xuất kinh doanh nên tính cạnh tranh trên thị trường càng trở nên gay gắt.

Dự báo giá vàng thế giới năm 2010 tiếp tục diễn biến phức tạp do tình hình kinh tế vẫn chưa được hồi phục một cách bền vững, tính cạnh tranh trên thị trường nữ trang sẽ rất gay gắt, đặc biệt là trong bối cảnh sức mua của thị trường còn yếu, PNJ đã xây dựng cho mình những chiến lược kinh doanh phù hợp, năng động và đột phá. Chúng ta đã mạnh dạn xây dựng kế hoạch năm 2010 với sự tăng trưởng và phát triển đáng kể so với năm 2009 về doanh số, lợi nhuận và quy mô công ty. Với tầm nhìn dài hạn, chiến lược kinh doanh nhanh nhạy, linh hoạt, đội ngũ cán bộ công nhân viên tâm huyết, năng động, sáng tạo và trách nhiệm, tôi tin tưởng rằng năm 2010 sẽ là một năm thành công của PNJ.

Nhân dịp này, cho phép tôi thay mặt Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc Công ty xin chân thành cảm ơn Quý vị cổ đông đã luôn tin tưởng, đồng hành, ủng hộ và giúp đỡ chúng tôi trong nhiều năm qua

Xin kính chúc Quý cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng.

Tp HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2010

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Cao Thị Ngọc Dung

(Đã ký)

> SỬ MẠNG CỦA CÔNG TY



“ Không ngừng vận động để đạt được sự phát triển bền vững trong môi trường kinh doanh toàn cầu bằng hệ thống quản lý khoa học và tiên tiến, thiết bị máy móc và công nghệ hiện đại, đội ngũ công nhân lành nghề và tâm huyết để cung cấp cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ đa dạng với chất lượng tốt nhất và giá cả cạnh tranh. ”

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

PhuNhuân Jewelry Joint Stock Company

Địa chỉ: 170E Phan Đăng Lưu – Phường 3

Quận Phú Nhuận – Tp HCM

Điện thoại: 08.9951703 - Fax: 08.9951702

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0300521758

Nơi cấp: Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tp.HCM.

Đăng ký lần đầu: 02/01/2004;

Đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 13/4/2010

Loại hình doanh nghiệp: Công ty Cổ phần

Người đại diện theo pháp luật:

Bà CAO THỊ NGỌC DUNG

Chức vụ: Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị -Tổng giám đốc

Vốn điều lệ: 400 tỷ VND

Ngành nghề kinh doanh:

- Dịch vụ kiểm định vàng, bạc, kim loại quý khác, kim cương, đá quý, đá bán quý
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý, vàng miếng; Sản xuất đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan; Gia công vàng, bạc, đá quý, đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan
- Bán buôn và bán lẻ vàng, bạc, kim loại quý, đá quý và đá bán quý; Bán buôn đồ trang sức bằng vàng, bạc và kim loại quý; Bán lẻ đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ vàng, bạc, kim loại quý nguyên liệu
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành kim hoàn; Xuất khẩu, nhập khẩu vàng trang sức, hàng mỹ nghệ bằng vàng, bạc, các kim loại quý khác, kim cương, đá quý, đá bán quý, vàng miếng, vàng nguyên liệu dưới dạng lá, dây bột, khối, thỏi hạt, miếng; Xuất khẩu, nhập khẩu đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan;
- Dạy nghề
- Dịch vụ cầm đồ
- Đại lý đối ngoại tệ, dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ
- Bán buôn và bán lẻ vali, cặp, túi, ví, hàng da, và giả da

khác; Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; Bán buôn và bán lẻ đồng hồ, kính mắt

- Cắt tóc, làm đầu, gội đầu
- Kinh doanh nhà hàng, rượu bia, nước giải khát và các dịch vụ ăn uống; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
- Bán buôn và bán lẻ ô-tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô-tô con; Đại lý ô-tô con và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô-tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô-tô và xe có động cơ khác; Bán buôn và bán lẻ mô-tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô-tô và xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô-tô, xe máy (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Kinh doanh bất động sản. Cho thuê nhà.

> LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN



1988

Ngày 28-04-1988, cửa hàng Kinh doanh Vàng bạc Phú Nhuận ra đời, trực thuộc UBND Quận Phú Nhuận với tài sản ban đầu là 7,4 lượng vàng và 20 nhân sự.

1991

Vàng miếng Phương Hoàng chính thức ra đời, góp vào thị trường một phương tiện thanh toán và cất giữ.

1992

PNJ chính thức mang tên Công ty Vàng bạc đá quý Phú Nhuận, xác định chiến lược phát triển là nhà sản xuất kinh doanh trang sức chuyên nghiệp, sáng lập Ngân hàng Đông Á

1994

Bắt đầu cho chiến lược mở rộng hệ thống chi nhánh tại các tỉnh, thành phố lớn trên toàn quốc.

1995

Đánh dấu công tác xây dựng thương hiệu chuyên nghiệp của PNJ, nữ trang PNJ bắt đầu xuất khẩu. PNJ đón nhận Huân chương lao động hạng 3. Thành lập trạm chiết gas VINAGAS

1998

PNJ được trao chứng nhận danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao”

2000

PNJ được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng 2. Được tổ chức DNV cấp chứng nhận Hệ thống Quản trị Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.

2001

Tổ chức cuộc thi “Thiết kế mẫu nữ trang toàn quốc”. Nhân hiệu PNJSilver chính thức ra đời

2003

PNJ đón nhận Huân chương Lao động Hạng nhất, chú trọng xây dựng và phát triển văn hóa mái nhà chung PNJ thông qua các hoạt động như Ngày hội gia đình...

2004

PNJ cổ phần hóa, chuyển đổi từ doanh nghiệp kinh tế Đảng thành Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận. Đạt danh hiệu Top 500 Doanh nghiệp bán lẻ hàng đầu Châu Á – Thái Bình Dương

2005

PNJSilver tái tung hình ảnh mới. Nhân hiệu trang sức CAO Fine Jewellery ra đời. PNJ cùng sáng lập Công ty cổ phần Địa ốc Đông Á, S.G Fisco

2007

PNJ trở thành một trong 200 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam theo công bố của UNDP

2008

Ngày 3/4/2008, PNJ công bố thay đổi logo mới. Tái tung vàng miếng Phượng Hoàng với tên gọi mới Phượng Hoàng PNJ – DongA Bank. Là nhà tài trợ trang sức và vương miện cho cuộc thi Hoa hậu Hoàn vũ 2008. Đón nhận Huân chương Độc lập Hạng ba.

> CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG 2009



Năm 2009, cùng với sự dần phục hồi của nền kinh tế trong nước, hoạt động của công ty PNJ cũng đạt kết quả rất khả quan trên tất cả các lĩnh vực, được đúc kết bằng những thành tựu như sau:

1. Cổ phiếu PNJ được niêm yết tại HOSE

CP PNJ đã được niêm yết tại HOSE vào tháng 3/2009. Sau hơn 6 tháng niêm yết, PNJ đã phát hành thêm gần 10 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị niêm yết theo mệnh giá gần 100 tỷ đồng, phát hành thưởng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của PNJ từ 300 tỷ đồng lên đến 400 tỷ đồng. PNJ đã chi trả cổ tức 2 đợt là 25% bằng tiền mặt, dự kiến cả năm là 30%.

2. Thành lập Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO

Tháng 8/2009, nhãn hiệu CAO Fine Jewellery đã chính thức tách riêng và thành lập công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO, với định hướng là một công ty thời trang cao cấp với các thương hiệu đẳng cấp trong và ngoài nước. Trong tháng 12 vừa qua, Công ty CAO đã ra mắt nhãn hiệu JEMMA, là nhãn hàng nữ trang, túi xách và phụ kiện thời trang cao cấp, được thiết kế bởi các nhà thiết kế Hàn Quốc, Italia. Sau hơn 1 tháng ra mắt, JEMMA đã khai trương 2 cửa hàng lớn tại đường Đông Khởi và TTTM Parkson Flemington, quận 11.

3. Tiếp tục nhận giải thưởng Top 500 Doanh nghiệp bán lẻ hàng đầu châu Á Thái Bình Dương

Năm 2009 cũng là năm thứ 6 liên tiếp PNJ đón nhận giải thưởng Top 500 Doanh nghiệp bán lẻ hàng đầu châu Á Thái Bình Dương do tạp chí Retail Asia (Singapore) bình

chọn và PNJ được xếp thứ 3 nhà bán lẻ hàng đầu tại VN. Bên cạnh đó, PNJ liên tục đạt được nhiều danh hiệu và giải thưởng khác trong nước: Top 100 thương hiệu Sao vàng Đất Việt, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, 12 năm liên được người tiêu dùng bình chọn là HVNCLC, giải thưởng Thương hiệu mạnh.

4. Thủ tướng Chính Phủ trao tặng Giải vàng chất lượng Quốc gia 2009

PNJ là doanh nghiệp duy nhất trong ngành vàng bạc, trang sức Việt Nam xuất sắc được Thủ tướng Chính phủ trao tặng Giải vàng chất lượng Quốc gia 2009. Đây là Giải thưởng do Bộ Khoa học và Công nghệ thiết lập từ năm 1995 và thuộc hệ thống Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương, được tổ chức hằng năm nhằm tôn vinh những doanh nghiệp đạt thành tích xuất sắc trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong cộng đồng doanh nghiệp hoạt động tại VN.

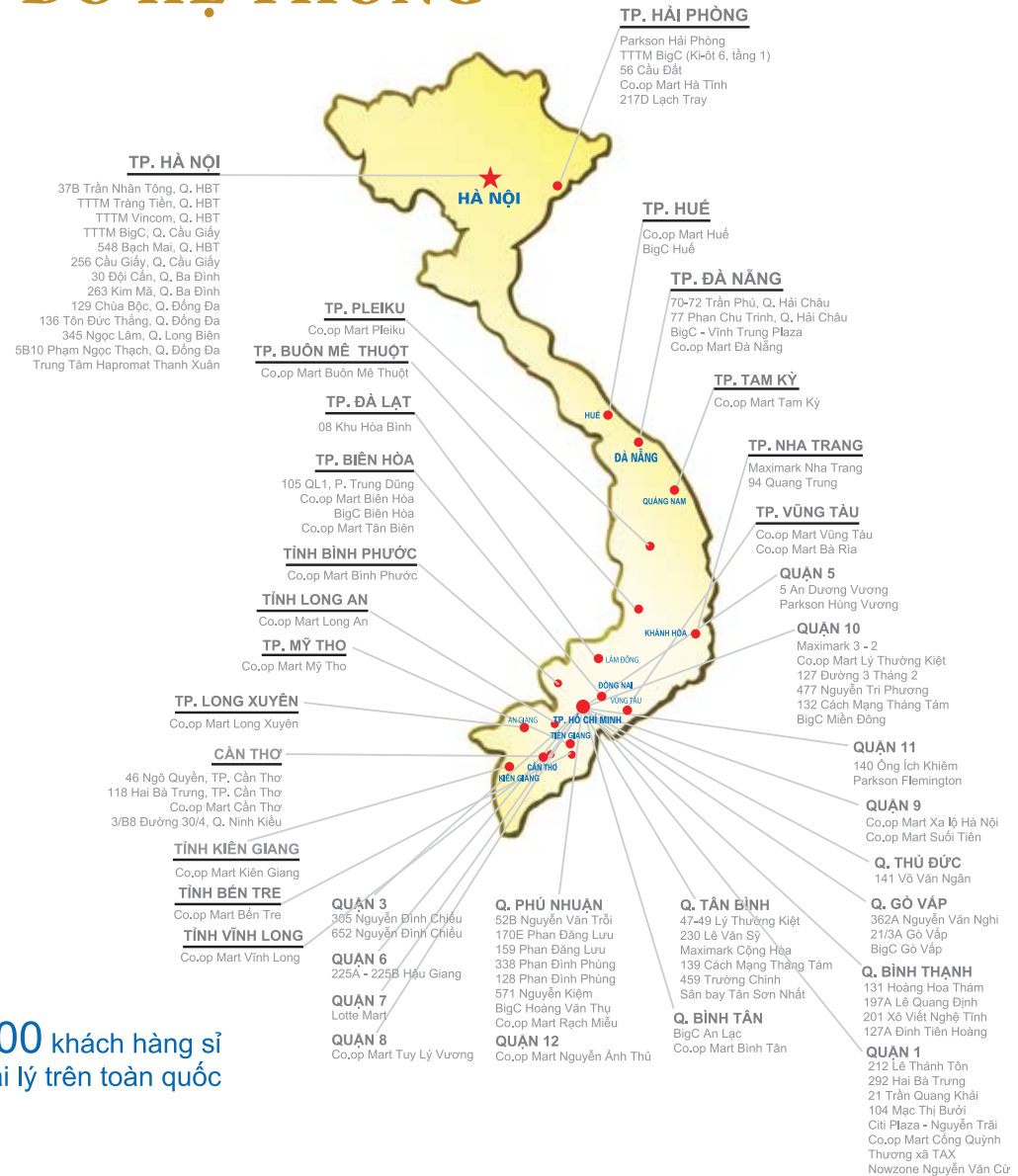
5. Công đoàn PNJ đón nhận Huân Chương Lao Động Hạng Ba

Chủ Tịch Nước đã trao tặng Huân chương lao động hạng 3 cho Công đoàn PNJ vì thành tích xuất sắc chăm lo tốt cho đời sống người lao động và có nhiều đóng góp to lớn cho cộng đồng xã hội. Là một doanh nghiệp luôn đi đầu trong các công tác như cứu trợ đồng bào bị bão lũ, thiên tai, chăm lo tết cho người nghèo, hiến máu nhân đạo, học bổng, xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa, khám chữa bệnh cho người nghèo, với tổng kinh phí hàng năm trên 3 tỷ đồng, tạo nên hình ảnh của một doanh nghiệp vì cộng đồng điển hình. Cũng trong dịp này, Tổng giám đốc PNJ, Bà Cao Thị Ngọc Dung cũng được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen về những thành tích đóng góp cho xã hội.

6. Phát động chương trình PNJ đồng hành cùng hàng Việt

Hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt ưu tiên dùng hàng Việt”, PNJ đã triển khai chương trình PNJ đồng hành cùng hàng Việt và phát động phong trào “Mỗi nhân viên PNJ là một đại sứ hàng Việt” trong toàn công ty và nhận được sự đồng tình, ủng hộ từ phía cơ quan nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp và công chúng. Nhiều hoạt động được triển khai: phát hành 100 ngàn catalogue với gần 1.000 mẫu thiết kế gửi tặng cho khách hàng và chương trình ưu đãi cuối năm dành cho khách hàng lớn nhất từ trước đến nay với tổng giá trị giải thưởng gần 6 tỷ đồng.

> BẢN ĐỒ HỆ THỐNG



Hơn 3000 khách hàng sỉ
 và đại lý trên toàn quốc

CÁC NHÃN HÀNG



Trang sức vàng PNJ

Thương hiệu trang sức vàng PNJ chính thức có mặt tại thị trường Việt Nam năm 1989 và là thương hiệu trang sức đầu tiên mạnh dạn đầu tư nguồn nhân lực cùng kỹ thuật và trang thiết bị máy móc hiện đại, góp phần phát triển và chuyên nghiệp hóa ngành kim hoàn truyền thống. PNJ cũng là doanh nghiệp đầu tiên khai hóa cuộc cách mạng thời trang về lĩnh vực trang sức tại thị trường trong nước.

20 năm không ngừng nỗ lực và đổi mới, giờ đây PNJ có thể tự hào là một trong những doanh nghiệp kim hoàn hàng đầu của Việt Nam với hệ thống kinh doanh rộng khắp và là địa điểm tin cậy của tất cả các đối tượng khách hàng yêu thích thời trang.

Vàng miếng Phượng Hoàng PNJ - DongA Bank

Vàng miếng Phượng Hoàng PNJ – DAB được phát hành bởi hai doanh nghiệp uy tín trong lĩnh vực kinh doanh vàng và tài chính ngân hàng tại Việt Nam là Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận - PNJ và Ngân hàng TMCP Đông Á - DAB

Sự ra đời của sản phẩm vàng miếng Phượng Hoàng PNJ – DAB một lần nữa khẳng định sự lớn mạnh và trưởng thành của thương hiệu PNJ, góp phần mang đến những công cụ giao dịch và thanh toán tiện lợi cho người tiêu dùng và một môi trường kinh doanh vàng cạnh tranh cho các nhà đầu tư trên thị trường.



Trang sức bạc PNJSilver

Nhãn hiệu trang sức bạc cao cấp PNJSilver ra đời vào tháng 8/2005 dành cho đối tượng khách hàng trẻ, cá tính và sành điệu. Với gần 3 năm góp mặt trong thị trường thời trang sôi động, PNJSilver mang đến những dòng sản phẩm nữ trang hiện đại, phá cách và mới lạ, góp phần định hướng thẩm mỹ cho nhóm đối tượng khách hàng mục tiêu bằng những xu hướng thời trang đương đại của khu vực và quốc tế.



Trang sức cao cấp CAO Fine Jewellery

Tự hào là nhãn hàng trang sức cao cấp nhất của thương hiệu PNJ, CAO - Fine Jewellery được ra giới thiệu ra thị trường năm 2005 với sứ mệnh luôn đột phá trong thiết kế và kỹ thuật chế tác để mang đến những sản phẩm trang sức độc đáo và tinh xảo nhất.

CAO - Fine Jewellery có thể xem là một trong số rất ít các nhãn hiệu trang sức trong nước có đủ đẳng cấp để cạnh tranh trực tiếp với các thương hiệu trang sức cao cấp quốc tế hiện đang có mặt tại thị trường Việt Nam.

CAO - Fine Jewellery sẽ vẫn tiếp tục cuộc hành trình chinh phục cái đẹp và từng bước vươn mình ra thị trường quốc tế.

> BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. Báo cáo hoạt động theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009:

1.1 Phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng:

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ) tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ lên 400 tỷ theo hình thức phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông từ nguồn thặng dư vốn. Ngày 30/09/2009, PNJ chính thức ghi tăng trên sổ sách kế toán vốn điều lệ là 399.999.210.000 đồng (chênh lệch là do một số trường hợp số cổ phiếu thưởng lẻ).

1.2 Thành lập Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO:

Ngày 14/08/2009, Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO được Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0309279212 và đã đi vào hoạt động. Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO do PNJ sở hữu 100% vốn; vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng).

1.3 Điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh:

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận chưa thực hiện việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo các ngành, nghề kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận như trên vì thời hạn được đăng ký các ngành, nghề kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua là ngày 01/01/2010 (theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/05/2007 của Bộ Thương mại về việc công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan để trực tiếp mua bán hàng hóa).

1.4 Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán năm 2009:

Ngày 10/04/2009, Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận – PNJ đã ký hợp đồng với Công ty TNHH KPMG, để cung cấp dịch vụ kiểm toán các báo cáo tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2009 và dịch vụ soát xét các báo cáo tài chính, ngày 30 tháng 6 năm 2009.

Công ty TNHH KPMG là một trong số những công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán chấp thuận kiểm toán cho các trường hợp niêm yết và chào bán ra công chúng.

2. Nhận định, đánh giá tình hình 2010

Bước vào năm 2010, dự đoán tình hình kinh tế thế giới vẫn chưa thoát khỏi giai đoạn khủng hoảng, suy thoái kinh tế tiếp tục diễn biến chiều hướng rộng hơn và sâu hơn. Tình hình kinh tế nước ta bị ảnh hưởng, hoạt động xuất khẩu tiếp tục gặp nhiều khó khăn, lãi suất vay ngân hàng dự đoán tăng cao hơn năm 2009, tình hình giá vàng, giá ngoại tệ tiếp tục biến động mạnh và không theo xu hướng thường gặp.

Để tiếp tục giữ vững PNJ là công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất nữ trang, toàn thể CBCNV PNJ quyết tâm nỗ lực xây dựng, thực hiện kế hoạch 2010 trong giai đoạn khó khăn được dự báo, bằng chiến lược và bước đi riêng của mình.

Để tiếp tục giữ vững PNJ là công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất nữ trang, toàn thể CBCNV PNJ quyết tâm nỗ lực xây dựng, thực hiện kế hoạch 2010 trong giai đoạn khó khăn được dự báo, bằng chiến lược và bước đi riêng của mình.



Thuận lợi:

- Sức mạnh của Thương hiệu PNJ tiếp tục được khẳng định và đã giúp cho PNJ có lợi thế cạnh tranh rất lớn trên thị trường. Đây là nền tảng cho sự phát triển bền vững của PNJ
- Chiến lược hoạt động đúng, bộ máy điều hành năng động, sức mạnh tập thể được thể hiện với tinh thần quyết tâm cao
- Hệ thống PNJ phát triển rộng trên toàn quốc và chiếm lĩnh những vị trí kinh doanh tốt
- Quy trình sản xuất ngày càng hoàn thiện và áp dụng những kỹ thuật tiên tiến nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất
- Công tác quản lý hàng hóa và điều hành nguồn vốn hiệu quả, bổ sung nguồn lực tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh

Khó khăn và thách thức:

- Kinh tế toàn cầu khủng hoảng trong năm 2009 và kéo dài trong năm 2010 ảnh hưởng mạnh đến nhu cầu mua sắm nữ trang
- Nhiều thương hiệu nữ trang nước ngoài đang mở rộng hệ thống cửa hàng và gia tăng quảng cáo bằng nhiều hình thức khác nhau
- Nhiều đơn vị đầu tư máy móc thiết bị, mở rộng kinh doanh trong lĩnh vực bán buôn với nhiều chính sách kinh doanh cạnh tranh
- Văn phòng, nhà xưởng PNJ hiện tại đã quá tải so với quy mô phát triển của Công ty

> TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Chỉ tiêu	Năm 2009 (đồng)	Năm 2008 (đồng)	Tỷ lệ tăng trưởng 2009/ 2008 (%)	Kế hoạch tăng trưởng (%)
Tổng doanh thu	9.625.462.675.283	3.500.788.372.647	175%	20%
Lợi nhuận trước thuế	221.031.957.115	153.124.256.308	44,35%	20%
Lợi nhuận sau thuế	175.673.674.021	122.127.164.787	43,84%	23,36%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	274.720.370.552	166.510.163.484	64,99%	30,50%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	219.831.879.486	131.863.822.863	66,71%	34,72%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (sau khi trừ Lợi ích của cổ đông thiểu số)	204.491.513.039	125.563.575.821	62,86%	-
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	19,13%	13,29%	-	-
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	10,13%	8,88%	-	-

> BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT – KINH DOANH NĂM 2009

Trước diễn biến tình hình khó khăn của nền kinh tế trong và ngoài nước, hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2009 đạt được một số kết quả như sau:

Tổng doanh thu đạt 9.625,463 tỷ đồng, tăng 175% so năm 2008, trong đó:

- Doanh thu trang sức vàng PNJ đạt 2.422,752 tỷ đồng, tăng 22% so năm 2008
- Doanh thu trang sức CAO Fine Jewellery đạt 47,543 tỷ đồng, tăng 9% so năm 2008
- Doanh thu vàng miếng đạt 3.494,529 tỷ đồng, tăng 212% so năm 2008
- Doanh thu trang sức bạc PNJSilver đạt 89,012 tỷ đồng, tăng 32% so năm 2008
- Doanh thu hoạt động xuất khẩu đạt 3.558,524 tỷ đồng, tăng 1.247% so năm 2008
- Doanh thu hoạt động dịch vụ kiểm định đạt 6,879 tỷ đồng, tăng 62% so năm 2008

Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh đều đạt và vượt kế hoạch 2009.



Biểu đồ giá vàng thế giới năm 2009
(Đvt: USD/ounce)



Biểu đồ giá vàng trong nước năm 2009
(Đvt: 1.000 VNĐ/chi)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Năm 2009, là năm PNJ gặt hái được kết quả kinh doanh đầy ấn tượng:

- Tổng vốn hoạt động tính đến cuối năm 2009 là 1.734 tỷ đồng, tăng 19,4% so với năm 2008
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản – ROA đạt 10,13%, tăng 1,25% so với năm 2008.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên chủ sở hữu – ROE đạt 19,13%, tăng 5,84% so với năm 2008.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ bình quân đạt 54,05%, tăng 13,34% so năm 2008.
- Lợi nhuận trước thuế (chưa hợp nhất) đạt 221,032 tỷ đồng, tăng 44,35% so với năm 2008
- Lợi nhuận sau thuế (chưa hợp nhất) đạt 175,674 tỷ đồng, tăng 43,84% so với năm 2008
- Lợi nhuận trước thuế (hợp nhất) đạt 274,720 tỷ đồng, tăng 65% so năm 2008
- Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất) đạt 219,832 tỷ đồng, tăng 66,7% so năm 2008

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA NHÃN HÀNG

1. Kinh doanh trang sức vàng PNJ:

- Doanh thu nữ trang vàng PNJ đạt 2.422,752 tỷ đồng tăng 22, 24 % so cùng kỳ.
- Ngay từ đầu năm Công ty chú trọng tập trung chăm sóc công tác bán hàng và phát triển hệ thống
- Có nhiều chương trình quảng bá thương hiệu, chương trình khuyến mại hiệu quả
- Sự điều chỉnh cơ cấu hàng hóa, sản phẩm phù hợp tình hình thị trường
- Công ty PNJ hiện có 2.996 khách hàng là nhà phân phối sản phẩm nữ trang PNJ trên toàn quốc

2. Kinh doanh trang sức CAO Fine Jewellery:

Năm 2009, doanh thu đạt 47,543 tỷ đồng tăng 9% so cùng kỳ. Quý IV năm 2009, nhãn hiệu CAO Fine Jewellery của PNJ đã chính thức tách riêng và thành lập Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO và chính thức ra mắt nhãn hiệu Jemma là nhãn hàng nữ trang, túi xách và phụ kiện thời trang cao cấp

3. Kinh doanh vàng miếng:

Doanh thu vàng miếng Phượng Hoàng PNJ – DongA Bank đạt 3.494,529 tỷ đồng tăng 212% so cùng kỳ năm trước. Năm 2009 là năm thứ hai tái tung thương hiệu vàng miếng Phượng hoàng – DongA Bank, và cũng là năm có sự tăng trưởng mạnh mẽ cả doanh thu và lợi nhuận.

4. Kinh doanh trang sức bạc PNJSilver:

Doanh thu nhãn hàng PNJSilver đạt 89,012 tỷ đồng tăng 32% so năm 2008. Đây là năm thứ 5 liên tiếp doanh thu

bạc đạt tốc độ tăng trưởng cao bằng các chiến lược marketing, quảng cáo hợp lý và đúng thời điểm

5. Kinh doanh xuất khẩu:

Doanh thu xuất khẩu năm 2009 đạt 3.558,524 tỷ đồng, trong năm vào quý I, có cơ hội xuất khẩu vàng 24K, Công ty đã năng động tận dụng thời cơ đem về hơn 200.000 triệu USD từ hoạt động xuất khẩu.

6. Hoạt động dịch vụ:

Doanh thu dịch vụ kiểm định đá quý đạt 6,879 tỷ đồng tăng 62% so năm 2009. Hoạt động dịch vụ kiểm định kim cương và đá quý PNJ đạt mức độ tín nhiệm cao nhất trong phạm vi cả nước.

KẾT QUẢ CÔNG TY THÀNH VIÊN:

Báo cáo hoạt động đầu tư:

Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế, hoạt động đầu tư tài chính của PNJ phần nào cũng chịu sự ảnh hưởng và tác động. Hoạt động đầu tư tài chính của PNJ vẫn chủ yếu là đầu tư dài hạn và chủ trương đầu tư vào các ngành chiến lược như: ngân hàng, địa ốc, nhiên liệu, thực phẩm và đây là những ngành tương đối ổn định, có tiềm năng và thiết yếu trong nền kinh tế. Cụ thể tình hình hoạt động đầu tư năm 2009 của PNJ như sau:

1. Tình hình hoạt động đầu tư của PNJ năm 2009:

Năm 2009, các khoản đầu tư tài chính của PNJ tăng 61,5 tỷ đồng, tương đương tăng 13,8% so với năm 2008 và đây là các khoản đầu tư mua cổ phiếu phát hành thêm của các Công ty đã đầu tư từ những năm trước như: Ngân hàng Đông Á, Công ty Địa ốc Đông Á, Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty và Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn. Trong năm 2009, PNJ đã chuyển nhượng 70% phần vốn góp trong

Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vi Na thu về lợi nhuận hơn 4 tỷ đồng, đồng thời chuyển nhượng 300.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Bến Thành thu về lợi nhuận 900 triệu đồng.

Tình hình đầu tư dài hạn của PNJ tính đến thời điểm 31/12/2009 như sau:

Công ty Cổ phần Quê Hương - Liberty	833.332	40.833.320.000
Công ty Địa ốc Sài Gòn M&C	2.615.215	65.380.375.000
Ngân hàng TMCP Đông Á	26.177.450	272.083.613.400
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	7.006.630	70.066.300.000
Công ty Cổ phần Hải sản S.G	1.729.000	17.290.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt	7.000.000	70.000.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô	-	23.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thời Trang CAO	200.000	3.700.000.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	1.842.089	40.818.582.680
TỔNG CỘNG		603.172.191.080

Mặc dù trong năm 2009, điều kiện nền kinh tế chung gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị, tuy nhiên các đơn vị thành viên cũng đã đóng góp vào tổng lợi nhuận của PNJ 40,708 tỷ đồng.

Về hoạt động đầu tư ủy thác, năm 2009 PNJ tiếp tục ủy thác đầu tư cho Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Đông Á kinh doanh các chứng khoán trên sàn Hose và cũng đã thu về lợi nhuận 10,3 tỷ đồng.

2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên:

2.1 Công ty Cổ Phần Năng Lượng Đại Việt (Vinagas):

Trong năm 2009, mặc dù ngành gas gặp nhiều khó khăn như sự biến động về giá, nạn gas giả hoành hành, xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh mới... nhưng kết quả hoạt động kinh doanh của Vinagas vẫn khả quan, Công ty tiếp tục khẳng định vị trí số một thương hiệu của mình. Doanh thu năm 2009 là 413,821 tỷ đồng, đạt 106,1% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 43,058 tỷ đồng, vượt 84,22% kế hoạch năm và cổ tức cho năm 2009 là 18%

Kế hoạch 2010 Vinagas tiêu thụ trên 40.000 tấn LPG, tăng 30% so với năm 2009, cổ tức tối thiểu là 20% và để đạt được mục tiêu trên Vinagas tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, mở rộng, nâng sức chứa các trạm chiết và kho bãi, xây dựng mới các trạm chiết ở KCN Vĩnh Lộc, Bà Rịa – Vũng Tàu, đầu tư thêm đội xe vận chuyển nhằm đáp ứng cho nhu cầu phát triển hệ thống phân phối...

2.2 Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (SFC):

Tổng tài sản đến thời điểm cuối năm 2009 là hơn 240 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính của SFC là phân phối bán lẻ xăng dầu, kinh doanh ngành hàng gỗ và kinh doanh bất động sản. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009 của SFC rất tốt, tổng doanh thu đạt 1.108 tỷ đồng, hoàn thành 110% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế là 44,47 tỷ đồng đạt 197% kế hoạch năm, tăng 165% so với năm 2008, tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ là 66,29 % và tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân là 40,53 %. Kế hoạch tổng doanh thu năm 2010 là 1.400 tỷ và lợi nhuận sau thuế là 51 tỷ đồng.

Trong năm 2009, SFC đã tăng vốn điều lệ 2 lần. Đợt tăng



vốn lần đầu từ 34 tỷ tăng lên 45,9 tỷ đồng bằng việc chia 10% cổ tức đợt 2 năm 2008 bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 25%. Đợt tăng vốn lần 2 từ 45,9 tỷ đồng lên 81,086 tỷ đồng bằng việc chia 10% cổ tức đợt 3 bằng cổ phiếu cho năm 2008, chia cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 3:1, phát hành tăng vốn tỷ lệ 3:1 với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Cổ tức cho năm 2009 là 30% bằng tiền mặt.

Với thế mạnh và tiềm năng của SFC trong lĩnh vực kinh doanh bán lẻ xăng dầu và kinh doanh bất động sản, PNJ đánh giá rất cao triển vọng phát triển của SFC trong những năm sắp tới và định hướng tăng tỷ lệ đầu tư vào SFC. Hiện nay, PNJ đang nắm giữ 23% vốn điều lệ của SFC với giá trị đầu tư bình quân là 22.287 đồng/cổ phiếu (mức giá giao dịch hiện nay của SFC khoảng từ 55.000 đồng đến 60.000 đồng/cổ phiếu). PNJ cũng đang thực hiện chào mua công khai cổ phiếu SFC nhằm tăng tỷ lệ nắm giữ lên đến 49% với giá chào mua là 48.000 đồng/cổ phiếu

2.3 Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á (Dong A Land):

Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á được thành lập từ năm 2003 bởi các cổ đông lớn là Ngân hàng Đông Á, PNJ và Công ty Kinh đô. Đến thời điểm cuối năm 2009, DongA Land có tổng vốn điều lệ là 300 tỷ đồng, trong đó PNJ nắm giữ 23% với giá trị đầu tư ban đầu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Hiện nay, DongA Land đang sở hữu hai dự án lớn và tiềm năng là: dự án khu phức hợp Golden Square tại Đà Nẵng và khu dân cư 5 hecta tại Phường Phú Thuận, Quận 7.

Dự án Golden Square tại Đà Nẵng

Golden Square tọa lạc tại trung tâm Quận Hải Châu – khu thương mại, dịch vụ sầm uất nhất Đà Nẵng, đối diện nhà hát Trưng Vương và ngay cạnh mảng xanh công viên thành phố, cách con sông Hàn qua một đoạn đường, là nơi hội tụ tất cả những dòng chảy quan trọng của đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội tại thành phố năng động và hiện đại bậc nhất miền Trung. Dự án có tổng diện tích đất hơn 10.600m², được thiết kế là khu phức hợp nhà văn phòng, trung tâm thương mại, khách sạn 5 sao và căn hộ cao cấp. Tổng diện tích sàn xây dựng 118.000 m² Tổng vốn đầu tư của dự án trên 1.500 tỷ đồng được thiết kế bởi Công ty CPG Consultant (Singapore) – là một trong những công ty thiết kế hàng đầu khu vực Châu Á, tập đoàn Bachy Soletanche (Pháp) thi công phần móng và tầng hầm (đã được thi công hoàn tất) và CTy CB Richard Ellis Việt Nam sẽ là Công ty tư vấn tiếp thị. Golden Square cũng chính là dự án nhà cao tầng đầu tiên lớn nhất của Đà Nẵng tại thời điểm hiện nay.

Dự án khu dân cư Phú Thuận, Quận 7:

Với vị trí nằm gần các trục lộ chính ngay tại trung tâm quận 7, tổng diện tích dự án là 5 hecta, dự án được thiết kế là khu trung tâm thương mại, căn hộ cao cấp. Dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, có khả năng sẽ chính thức công bố dự án vào cuối năm 2010.

- Dự án Trung Tâm thương mại phục vụ du lịch và Căn hộ Festival.
- Dự án liên doanh giữa Công ty Festival, DongA Land và PNJ.

Trên khu đất 4.500m² tại đường Hoàng Minh Giám (gần công viên Gia Định và Sân bay) dự kiến xây dựng công

trình cao 15 tầng trong đó có ba tầng sử dụng làm trung tâm bán hàng phục vụ khách du lịch và 12 tầng là căn hộ. Dự án đã được thỏa thuận về qui mô dân số, đang tiếp tục các thủ tục pháp lý, phần đầu sẽ khởi công vào cuối năm 2010

2.4 Ngân hàng TMCP Đông Á :

Với chiến lược mục tiêu: “Bền vững và Chất lượng”, hoạt động năm 2009 Ngân hàng Đông Á đã đạt được những kết quả đáng kể. Lợi nhuận trước thuế là 787,759 tỷ đồng đạt 104,26% kế hoạch, tăng 12% so với năm 2009.

Trong năm 2009 DongA Bank tăng vốn điều lệ từ 2.880 tỷ lên 3.400 tỷ đồng và hiện PNJ đang nắm giữ 8% với giá đầu tư bình quân là 10.394 đồng/cổ phiếu, đây cũng là khoản đầu tư chiếm tỷ trọng lớn nhất trong danh mục đầu tư dài hạn của PNJ, chiếm 45%, tương đương 272 tỷ đồng.

Đại hội Cổ đông thường niên lần thứ 18 ngày 26/03/2010 đã thông qua kế hoạch năm 2010 với tổng lợi nhuận trước thuế là 1.100 tỷ đồng, tăng 41% so với năm 2009; thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 6.000 tỷ đồng bằng việc bán cho các cổ đông hiện hữu (bán bằng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) và bán cho các đối tác chiến lược trong nước và ngoài nước; thông qua kế hoạch niêm yết cổ phiếu trên TTCK, chậm nhất vào cuối quý II/2010.

Với chương trình hành động cụ thể, chắc chắn Ngân hàng Đông Á sẽ đạt được 2 mục tiêu cơ bản là: Đến cuối năm 2010 sẽ trở thành một trong những Ngân hàng bán lẻ tốt nhất của Việt Nam và đến cuối năm 2014 sẽ trở thành tập đoàn tài chính tốt nhất ở Việt Nam.

2.5 Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty:

Năm 2009, mặc dù ngành du lịch cũng chịu ảnh hưởng nặng nề của suy thoái kinh tế nhưng hoạt động của Quê Hương Liberty cũng đạt được kết quả rất khả quan. Doanh thu thực hiện đạt 248,92 tỷ đồng tăng 3% so với năm 2008, lợi nhuận sau thuế đạt 86,84 tỷ đồng hoàn thành 106% kế hoạch năm và năm 2009 Quê Hương Liberty chia cổ tức 18% bằng tiền mặt. Trong năm, Công ty cũng đã tăng vốn điều lệ từ 240 tỷ lên 320 tỷ đồng bằng việc phát hành thêm cổ phiếu và hiện nay PNJ đang nắm giữ 3% vốn điều lệ của Quê Hương Liberty.

2.6 Công ty Cổ Phần Hải Sản S.G (S.GFisco):

Năm 2009 là năm khó khăn chung của ngành thủy sản, S.GFisco đã phải đối đầu với hàng loạt các khó khăn về thị trường, nguồn nguyên liệu, công nhân... Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2009 doanh thu đạt 200 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 2,58 tỷ đồng. Hiện nay, S.GFisco có vốn điều lệ là 30 tỷ đồng, trong đó PNJ nắm giữ 58% với giá trị đầu tư là 10.000 đồng/cổ phiếu.

2.7 Công ty địa ốc Sài Gòn M&C:

Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn M&C hiện đang trong giai đoạn triển khai dự án xây dựng cao ốc Sài Gòn M&C tọa lạc giữa trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh tại ngã ba Hàm Nghi – Tôn Đức Thắng – Bến Chương Dương trên diện tích gần 6.600 m², là khu phức hợp thương mại và căn hộ cao 40 tầng và sâu 5 tầng hầm, được xây dựng bên bờ sông Sài Gòn thuộc khu vực trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự án bao gồm một khối bộ làm trung tâm thương mại dịch vụ cao 6 tầng (diện tích 23.000 m²), một khối văn phòng đạt tiêu chuẩn quốc tế cao 34 tầng (diện tích 49.000 m²) và khối căn hộ gồm 133 căn hộ cao cấp,

cùng các dịch vụ tiện nghi hiện đại khác. Tổng vốn đầu tư khoảng 250 triệu USD. Dự kiến cuối năm 2010 dự án sẽ bắt đầu chào bán căn hộ.

2.8 Công ty Cổ Phần Địa ốc Kinh Đô:

Tương tự như Công ty Địa ốc Sài Gòn M&C, Công ty Địa ốc Kinh Đô cũng đang trong giai đoạn triển khai các dự án lớn như: Chung cư Nguyễn Cư Trinh, dự án Cộng Hòa, dự án An Phú, dự án 136 Lê Lợi... dự kiến các dự án sẽ được khai thác, hoạt động trong năm 2010 và 2011.



CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2010

I. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH:

1. Mục tiêu chất lượng:

- Nâng cao lợi thế cạnh tranh bằng chất lượng, sự tinh tế của sản phẩm và chất lượng dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ khách hàng
- Giảm chi phí sản xuất, tối đa hóa lợi nhuận

2. Các chỉ tiêu kế hoạch:

Mức tăng trưởng chung toàn công ty:	tăng 15%
Doanh thu bán sỉ:	tăng 15%
Doanh thu kim cương:	tăng 15%
Doanh thu nữ trang vàng:	tăng 15%
Doanh thu nữ trang bạc :	tăng 30%
Doanh thu nữ trang xuất khẩu:	tăng 20%
Doanh thu vàng miếng:	tăng 15%
Doanh thu dịch vụ kiểm định:	tăng 20%
Sản lượng sản xuất của xí nghiệp:	tăng 20%
Lợi nhuận trước thuế (chưa hợp nhất):	245 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế (chưa hợp nhất):	200 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế (hợp nhất) :	305 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất):	247 tỷ đồng
Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2010:	25%

II. CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG TÂM:

1. Khối sản xuất – kỹ thuật:

a. Nhóm giải pháp về kỹ thuật công nghiệp:

- Cải tiến sản xuất theo hướng gia tăng tỷ lệ công nghiệp hoá và áp dụng các kỹ thuật mới một cách rộng rãi toàn

xí nghiệp. Phát huy tính năng, công suất của máy móc và đa dạng hóa kỹ thuật

- Cải tiến triệt để quy trình và chất lượng xi mạ
- Phát động phong trào thi đua sáng kiến toàn xí nghiệp, thành lập và duy trì hiệu quả hoạt động của câu lạc bộ kỹ thuật

b. Nhóm giải pháp về tổ chức – quản lý sản xuất:

- Phân bổ lại các công đoạn sản xuất kết hợp với định biên lao động và bố trí máy móc thiết bị hợp lý nhằm rút ngắn chu kỳ sản xuất, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo giao hàng đúng hạn
- Áp dụng rộng rãi việc khoán hao hụt, giao chỉ tiêu sản xuất và đánh giá năng suất lao động thông qua áp dụng hệ số quy đổi phù hợp
- Kết hợp có hiệu quả công cụ thống kê, kế toán trong kiểm soát và điều hành sản xuất
- Cải tiến công tác kế hoạch điều độ theo hướng: tăng kéo, giảm đẩy, điều phối nhân lực linh hoạt theo nhu cầu sản xuất

2. Khối kinh doanh:

a. Nhóm giải pháp: Nâng cao hiệu quả quản trị điều hành hệ thống

- Theo dõi chặt chẽ, kịp thời tình hình bán hàng và hàng hoá trên toàn hệ thống làm cơ sở cho việc luân chuyển hàng hóa, dự báo đặt hàng và điều chỉnh đơn hàng khi cần thiết, chuẩn hóa quy trình đặt hàng
- Thu thập thông tin thị trường về giá cả, mẫu mã, chủng loại hàng hóa bán chạy để có nhận định kịp thời và chính xác về xu hướng mẫu trong từng thời kỳ và xây dựng giá bán hợp lý

Phối hợp chặt chẽ với Xí nghiệp nữ trang trong việc điều tiết kế hoạch sản xuất theo năng lực của sản xuất và yêu cầu của thị trường

- Thường xuyên đánh giá, chọn lọc và tìm kiếm thêm nhà thầu phụ nhằm cung ứng kịp thời nhu cầu về nguyên vật liệu, đá cho sản xuất và bổ sung thêm chủng loại hàng hóa phù hợp với thị trường, chất lượng tốt

b. Nhóm giải pháp: Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng

- Nâng cao năng lực quản lý, chất lượng công việc của đội ngũ giám sát, đội ngũ quản lý tại cửa hàng
- Bình chọn, đánh giá cửa hàng chuẩn, nhân viên bán hàng tiêu biểu hàng tháng, thực hiện thưởng – phạt kịp thời
- Chuẩn hóa công tác trưng bày hàng hóa, hệ thống nhận diện thương hiệu

c. Nhóm giải pháp: Mở rộng hoạt động xuất nhập khẩu và kinh doanh vàng

- Khảo sát để tìm thêm nhà cung ứng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, đặc biệt cần khai thác thêm đơn vị cung ứng đá màu
- Tìm kiếm đối tác cho ngành kinh doanh đồng hồ. Củng cố mối quan hệ với các khách hàng xuất khẩu và tìm thêm đối tác mới
- Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vàng vật chất. Xây dựng biện pháp tăng doanh thu miếng vàng Phượng Hoàng PNJ – DongA Bank

3. Công tác thiết kế sản phẩm: Khẳng định tính tinh tế, sáng tạo và đa dạng

- Thường xuyên cập nhật xu hướng mẫu thế giới và thị trường trong nước. Định vị rõ nét thiết kế đặc trưng cho từng dòng sản phẩm. Tạo được tính cách riêng của sản phẩm nữ trang PNJ
- Chuẩn hóa quy trình thiết kế và tạo mẫu, thành lập ngân hàng mẫu. Phân tích đánh giá mức độ phù hợp của từng mẫu và từng xu hướng để phát huy tính hiệu quả của công tác thiết kế
- Phát huy tính sáng tạo của đội ngũ thiết kế bằng chính sách khen thưởng kịp thời. Tuyển dụng, đào tạo nhằm nâng cao nguồn lực, đủ cung ứng cho các nhóm hàng
- Ứng dụng tối đa công nghệ trong công tác tạo mẫu, xem xét lại quy trình và phân tích ngày giờ công của bộ phận tạo mẫu tay nhằm có biện pháp nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí và phân bổ tiền lương hợp lý đối với những công nhân tích cực

4. Công tác tiếp thị:

Khẳng định được vị trí dẫn đầu của thương hiệu nữ trang PNJ, nêu bật được những tính cách đặc trưng về chất lượng sản phẩm; tính sáng tạo và tinh tế của sản phẩm; Tinh thần vì cộng đồng của doanh nghiệp – Với chi phí hợp lý.

5. Công tác quản trị tài chính – tin học:

- Đặt mục tiêu hàng đầu là nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, quản lý chặt chẽ đồng tiền và xây dựng cơ cấu nguồn vốn hiệu quả nhất
- Phân tích quản lý và kiểm tra thực hiện kế hoạch giao vốn tại các đơn vị trực thuộc. Phân tích hiệu quả hoạt động của xí nghiệp sản xuất, các cửa hàng, chi nhánh

- Nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ, cải tiến quy trình kiểm tra nhằm đưa ra phương pháp kiểm tra đạt hiệu quả
- Quản lý và phân tích tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn
- Thực hiện dự án ERP cho phân hệ bán hàng và tài chính

6. Công tác nhân sự - hành chính: Chuẩn hóa và nâng cao nguồn nhân lực

- Xây dựng lại các tiêu chí đánh giá từng vị trí công việc, hoàn thiện cơ cấu tổ chức phù hợp với từng hoạt động toàn công ty
- Mở rộng các kênh tuyển dụng, tích cực trong công tác quảng bá tuyển dụng, thu hút nhân lực từ nhiều nơi đảm bảo nhu cầu phát triển của công ty. Ưu tiên tuyển dụng nhân sự có trình độ vào chức danh cửa hàng trưởng
- Hoàn chỉnh các chương trình đào tạo cho các cấp chức danh: cán bộ quản lý, các cửa hàng trưởng, giám đốc chi nhánh và nhân viên bán hàng...
- Kết hợp với Phòng Kinh doanh đánh giá lại năng lực của từng cửa hàng trưởng, nhân viên bán hàng để nâng cao chất lượng bán hàng và hiệu quả kinh doanh
- Có kế hoạch dự trữ, thay thế lãnh đạo và nhân viên trong hệ thống phân phối không đủ năng lực
- Công tác hành chính đảm bảo cung ứng đủ và kịp thời nhu cầu phát triển mở rộng của các hệ thống

7. Hoạt động đầu tư và phát triển hệ thống:

a. Đối với các công ty con và công ty liên kết:

- Tăng vốn đầu tư vào Ngân hàng TMCP Đông Á và Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á theo nhu cầu tăng vốn các đơn vị
- Kiểm soát tốt hoạt động của các đơn vị thành viên, hỗ trợ các đơn vị thành viên trong việc điều hành hoạt động sản xuất – kinh doanh
- Đối với Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt, xây dựng chiến lược thâm nhập sâu vào thị trường bán lẻ. Phối hợp với SFC khai thác thị trường bán lẻ gas tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Hỗ trợ S.GFisco cải tiến công tác quản trị tài chính kế toán, phân tích hiệu quả sử dụng vốn và mặt bằng xí nghiệp cho từng ngành hàng, nâng cao năng suất và tăng cường các mặt hàng có giá trị gia tăng
- Thành lập công ty kiểm định vàng, bạc, kim loại quý, đá quý, đá bán quý trực thuộc PNJ
- Cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO với định hướng đẩy mạnh hoạt động kinh doanh ngành thời trang. Củng cố và khẳng định vị trí của nhãn hàng CAO Fine Jewellery, phát triển nhanh chóng hệ thống cửa hàng Jemma, kinh doanh ngành đồng hồ.

b. Đầu tư nâng cấp hệ thống phân phối:

- Nâng cấp hệ thống cửa hàng PNJ và PNJSilver; Tìm kiếm mặt bằng để thay thế các cửa hàng PNJ có quy mô nhỏ tại các thị trường khu vực. Thiết kế lại quầy tủ và hệ thống nhận diện PNJSilver trên cơ sở thiết kế thêm quầy tủ để tung ra thị trường dòng sản phẩm mới của nữ trang bạc. Đưa nhãn hàng Jemma và đồng hồ

vào các trung tâm lớn của PNJ

- Phát triển hệ thống kinh doanh vàng – bạc theo kênh siêu thị, trung tâm thương mại và những vị trí tốt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội
- Xây dựng trung tâm kim hoàn và trung tâm bán hàng phục vụ du lịch tại đường Thủ Khoa Huân, Quận 1
- Chuẩn bị các nguồn lực cho việc ra đời trung tâm bán hàng phục vụ du lịch
- Mua nhà tại Hà Nội; Xây dựng Chi nhánh PNJ miền Bắc phù hợp chiến lược phát triển hệ thống miền Bắc
- Đầu tư xây dựng Xí nghiệp nữ trang PNJ tại đường Dương Quảng Hàm, Quận Gò Vấp
- Hợp tác với DongA Land và Công ty Festival xây dựng trung tâm bán hàng phục vụ du lịch tại đường Hoàng Hoa Thám

Trên đây là chương trình hành động năm 2010, với ý chí quyết tâm cao, Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty PNJ quyết tâm hoàn thành kế hoạch năm 2010.

TM. Hội đồng Quản trị

CHỦ TỊCH

Cao Thị Ngọc Dung

(Đã ký và đóng dấu)

SUCCESS



> BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con (“Tập đoàn”) và bảng cân đối kế toán riêng của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám Đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám Đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, và báo cáo hoạt động kinh doanh và báo

cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Vấn đề lưu ý

Đánh giá lại các khoản vay bằng vàng

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng muốn lưu ý tới Thuyết minh 10(b) trong báo cáo tài chính. Một công ty liên kết trong Tập đoàn chưa đánh giá lại các khoản vay bằng vàng theo tỷ giá vàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Ban Giám Đốc tin rằng cách hạch toán này là phù hợp và có thể chấp nhận được cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất vì công ty liên kết này không hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vàng, bạc, đá quý và hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể nào do Bộ Tài Chính ban hành về việc hạch toán các nghiệp vụ như trên.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 09-01-137



[Signature]
Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV
Phó Tổng Giám đốc



Hà Vũ Định
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0414/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, 30-3-2010

Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn	100		982.017.730.615	786.286.736.162	867.823.005.658	668.744.760.108
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	274.965.948.571	210.458.127.512	244.771.724.200	191.816.526.514
Tiền	111		87.772.462.002	78.731.661.992	57.968.926.802	60.256.881.994
Các khoản tương đương tiền	112		187.193.486.569	131.726.465.520	186.802.797.398	131.559.644.520
Đầu tư ngắn hạn	120	10	29.475.000.000	23.032.212.000	29.475.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	121		29.475.000.000	24.131.274.000	29.475.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(1.099.062.000)	-	-
Các khoản phải thu	130	5	138.191.257.787	55.318.332.984	106.439.924.901	49.907.572.446
Phải thu thương mại	131		39.023.700.978	27.262.281.228	13.026.558.751	8.528.461.091
Trả trước cho người bán	132		21.221.519.128	4.041.126.129	19.760.327.591	3.255.324.717
Phải thu khác	135		79.519.332.424	24.736.018.500	75.226.333.302	38.844.879.511
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.573.294.743)	(721.092.873)	(1.573.294.743)	(721.092.873)
Hàng tồn kho	140	6	520.649.533.349	475.355.974.111	477.039.657.212	417.056.293.271
Hàng tồn kho	141		520.649.533.349	475.358.311.753	477.039.657.212	417.058.630.913
Dự phòng hàng tồn kho	149		-	(2.337.642)	-	(2.337.642)
Tài sản ngắn hạn khác	150		18.735.990.908	22.122.089.555	10.096.699.345	9.964.367.877
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.952.661.989	9.541.789.765	3.555.743.505	5.892.832.007
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.847.907.717	6.228.925.815	-	-
Thuế phải thu Nhà nước	154		-	47.122.962	-	47.122.962
Tài sản ngắn hạn khác	158		7.935.421.202	6.304.251.013	6.540.955.840	4.024.412.908
Tài sản dài hạn	200		1.043.636.942.969	896.845.092.860	865.772.260.671	783.759.273.549
Tài sản cố định	220		362.827.774.927	311.765.860.980	260.624.885.020	240.294.054.912
Tài sản cố định hữu hình	221	7	102.456.222.071	86.100.020.559	48.619.779.375	34.214.078.143
Nguyên giá	222		179.485.689.995	185.594.669.608	94.143.089.866	70.657.882.784
Khấu hao lũy kế	223		(77.029.467.924)	(99.494.649.049)	(45.523.310.491)	(36.443.804.641)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Tài sản cố định vô hình	227	8	210.294.141.155	200.541.521.567	202.582.212.236	192.915.905.088
<i>Nguyên giá</i>	228		211.669.894.351	201.624.886.935	202.832.509.251	193.068.674.638
<i>Phân bổ lũy kế</i>	229		(1.375.753.196)	(1.083.365.368)	(250.297.015)	(152.769.550)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	50.077.411.701	25.124.318.854	9.422.893.409	13.164.071.681
Đầu tư dài hạn	250	10	520.427.787.830	426.682.310.080	592.572.191.080	531.244.947.080
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	90.990.000.000	104.562.637.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		129.730.479.430	79.000.021.680	110.884.882.680	79.000.021.680
Đầu tư dài hạn khác	258		401.497.308.400	358.482.288.400	401.497.308.400	358.482.288.400
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(10.800.000.000)	(10.800.000.000)	(10.800.000.000)	(10.800.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		160.381.380.212	158.396.921.800	12.575.184.571	12.220.271.557
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	158.917.372.541	154.427.934.485	11.765.661.910	11.791.127.754
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	1.440.007.671	2.335.289.302	809.522.661	429.143.803
Tài sản dài hạn khác	244		24.000.000	5.000.000	-	-
Lợi thế thương mại	269	14	-	1.628.698.013	-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		2.025.654.673.584	1.683.131.829.022	1.733.595.266.329	1.452.504.033.657
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ	300		987.415.904.607	718.813.204.662	780.836.506.897	543.681.723.750
Nợ ngắn hạn	310		869.678.484.312	642.101.906.161	761.261.770.396	539.235.459.189
Vay ngắn hạn	311	15	667.924.282.992	470.190.382.245	621.165.721.214	409.347.202.157
Phải trả người bán	312		114.450.655.153	76.276.404.188	46.318.496.483	33.895.358.120
Người mua trả tiền trước	313		5.806.792.297	60.452.206.963	4.631.804.900	59.851.773.025
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	16	18.815.119.762	14.930.855.659	10.038.660.363	11.012.309.799
Phải trả người lao động	315		4.477.600.706	2.310.857.956	2.736.400.718	530.287.937
Chi phí phải trả	316	17	13.638.665.427	5.607.530.633	10.611.063.796	3.826.637.437
Phải trả khác	319	18	44.565.367.975	12.333.668.517	65.759.622.922	20.771.890.714

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Vay và nợ dài hạn	330		117.737.420.295	76.711.298.501	19.574.736.501	4.446.264.561
Phải trả dài hạn khác	333		65.735.259.799	57.090.566.480	426.284.500	249.325.500
Vay dài hạn	334	19	48.222.514.236	16.321.608.272	15.383.000.000	1.856.001.961
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	20	3.779.646.260	3.299.123.749	3.765.452.001	2.340.937.100
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		991.437.627.283	913.558.694.522	952.758.759.432	908.822.309.907
Vốn chủ sở hữu	410		955.741.161.339	893.598.500.445	918.111.698.015	890.049.726.994
Vốn cổ phần	411	21	399.999.210.000	300.000.000.000	399.999.210.000	300.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	425.000.790.000	525.000.000.000	425.000.790.000	525.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	414	21	(7.090.000)	-	(7.090.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		52.698.926.954	31.728.284.680	31.070.897.000	31.070.897.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		25.704.156.577	15.449.322.840	24.129.654.000	15.120.629.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		52.345.167.808	21.420.892.925	37.918.237.015	18.858.200.994
Quỹ phi hoạt động kinh doanh và quỹ khác	430		35.696.465.944	19.960.194.077	34.647.061.417	18.772.582.913
Quỹ khen thưởng phúc lợi	431	22	35.696.465.944	19.960.194.077	34.647.061.417	18.772.582.913
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	23	46.801.141.694	50.759.929.838	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.025.654.673.584	1.683.131.829.022	1.733.595.266.329	1.452.504.033.657

Người lập

Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người duyệt

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc
(Đã ký và đóng dấu)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Tổng doanh thu	01	3	10.290.503.190.514	4.204.235.943.563	9.625.462.675.283	3.500.788.372.647
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	3	(34.203.428.628)	(25.386.760.979)	(34.161.993.758)	(25.043.759.774)
Doanh thu thuần	10		10.256.299.761.886	4.178.849.182.584	9.591.300.681.525	3.475.744.612.873
Giá vốn hàng bán	11	3	(9.755.444.424.582)	(3.828.808.852.408)	(9.199.860.068.593)	(3.219.330.626.542)
Lợi nhuận gộp	20		500.855.337.304	350.040.330.176	391.440.612.932	256.413.986.331
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	74.014.998.344	56.899.530.012	57.619.629.324	59.904.089.075
Chi phí hoạt động tài chính	22	25	(75.807.391.931)	(63.237.590.959)	(65.064.285.736)	(48.996.945.710)
Chi phí bán hàng	24		(185.512.985.806)	(140.191.777.752)	(124.140.261.830)	(85.018.048.255)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(61.079.143.055)	(47.245.266.782)	(41.984.654.676)	(32.507.355.881)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		252.470.814.856	156.265.224.695	217.871.040.014	149.795.725.560
Kết quả từ những hoạt động khác	40					
Thu nhập khác	31	26	12.101.550.024	11.167.192.255	4.150.582.716	3.469.400.970
Chi phí khác	32		(1.039.248.353)	(922.253.466)	(989.665.615)	(140.870.222)
Lợi nhuận cổ phần trong các công ty liên kết	40	10	11.187.254.025	-	-	-

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	50		274.720.370.552	166.510.163.484	221.031.957.115	153.124.256.308
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	51	27	(54.552.299.565)	(35.528.877.415)	(45.738.661.952)	(31.426.235.324)
(Chi phí)/Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại	52	27	(336.191.501)	882.536.794	380.378.858	429.143.803
Lợi nhuận thuần	60		219.831.879.486	131.863.822.863	175.673.674.021	122.127.164.787
Phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số	61	23	15.340.366.447	6.300.247.042	-	-
Chủ sở hữu của Công ty	62		204.491.513.039	125.563.575.821	-	-
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	5.112	3.139	4.392	3.053

Người lập
Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người duyệt
Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc
(Đã ký và đóng dấu)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
Lợi nhuận trước thuế	01		274.720.370.552	166.510.163.484	221.031.957.115	153.124.256.308
Điều chỉnh cho các khoản						
Khấu hao và phân bổ	02		41.018.313.453	36.065.641.226	13.172.203.112	10.746.235.722
Dự phòng	03		2.549.400.200	13.872.415.768	2.603.892.647	12.332.656.438
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		22.808.291.931	(575.062.801)	22.131.194.245	1.028.498
Lãi thanh lý tài sản cố định			(201.736.540)	(16.700.000)	(213.265.540)	(16.700.000)
Xóa sổ tài sản cố định			-	6.254.186	-	-
Lãi từ chuyển giao tài sản cho công ty con			-	-	(2.281.409.000)	(2.281.409.000)
Lãi từ đầu tư chứng khoán	05		(25.893.396.000)	-	(900.000.000)	-
Lãi từ thanh lý công ty con	05		(1.286.857.437)	-	(4.178.163.000)	-
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(33.929.329.028)	(38.081.508.139)	(41.429.423.343)	(44.582.258.439)
Lãi từ đầu tư chứng khoán qua quỹ ủy thác	05		(10.342.193.078)	-	(10.342.193.078)	-
Chi phí lãi vay	06		41.421.831.862	32.978.648.561	35.701.424.763	27.804.402.620
Lợi nhuận cổ phần trong các công ty liên kết			(11.187.254.025)	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		299.677.441.890	210.759.852.285	235.296.217.921	157.128.212.147
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(105.161.138.461)	152.635.162.886	(57.575.941.699)	120.061.981.246
Biến động hàng tồn kho	10		(61.216.882.336)	(53.095.479.693)	(59.983.363.941)	(52.587.229.931)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		11.581.239.860	47.464.575.621	(16.378.696.028)	67.646.456.848
			144.880.660.953	357.764.111.099	101.358.216.253	292.249.420.310
Lãi vay đã trả	13		(39.890.584.302)	(31.942.217.928)	(34.043.289.288)	(27.102.176.569)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(45.712.047.230)	(40.264.181.593)	(41.993.107.219)	(39.165.224.859)
Chi trả khác cho hoạt động kinh doanh	16		(13.743.552.956)	(13.557.092.933)	(11.445.997.496)	(13.286.118.429)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20		45.534.476.465	272.000.618.645	13.875.822.250	212.695.900.453

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(102,468,852,843)	(300.793.468.406)	(34.007.801.836)	(226.765.412.201)
Thu từ thanh lý tài sản cố định	22		751.500.000	16.700.000	743.500.000	16.700.000
Chi đầu tư vào các công ty khác	25		(125.568.170.000)	(159.221.739.000)	(112.824.881.000)	(137.680.465.000)
Thu hồi đầu tư vào các công ty khác	26		59.393.497.000	29.420.000.000	5.650.000.000	33.722.905.499
Thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		33.929.329.028	37.761.583.707	51.771.616.421	44.582.258.439
Thu từ đầu tư qua quỹ ủy thác			10.342.193.078	-	-	-
Thu từ bán công ty con, tiền thuần đã thanh lý			21.137.863.351	-	21.450.800.000	-
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(102.482.640.386)	(392.816.923.699)	(67.216.766.415)	(286.124.013.263)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
Mua lại cổ phiếu quỹ	31		(7.090.000)	-	(7.090.000)	-
Thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33		3.836.446.956.347	1.491.252.597.816	3.589.602.743.108	1.292.525.806.867
Vốn góp bởi cổ đông thiểu số			-	6.418.455.498	-	-
Chi trả nợ gốc	34		(3.613.830.205.036)	(1.339.094.448.798)	(3.386.915.781.612)	(1.180.335.671.920)
Chi trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	35		(4.092.849.000)	(4.004.056.798)	-	-
Chi trả cổ tức	36		(96.911.091.000)	(125.824.563.000)	(137.086.545.000)	(125.824.563.000)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động tài chính	40		121.605.721.311	28.747.984.718	65.593.326.496	(13.634.428.053)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		64,657,557,390	(92.068.320.336)	52.427.836.331	(87.062.540.863)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4	210.458.127.512	298.970.875.252	191.816.526.514	278.600.661.459
Tiền (chi cho)/thu từ (thanh lý)/hợp nhất kinh doanh			-	3.277.166.678	-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(149.736.331)	278.405.918	527.361.355	278.405.918
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	274.965.948.571	210.458.127.512	244.771.724.200	191.816.526.514

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ

Vui lòng xem Thuyết minh số 11 về tài sản và nợ phải trả từ thanh lý hoạt động kinh doanh.

Người lập
Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người duyệt
Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc
(Đã ký và đóng dấu)

> THUYẾT MINH BÁO CÁO

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi nhuận của Tập đoàn trong các công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, trang sức và đá quý; nhập khẩu và xuất khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý; cung cấp dịch vụ ngoại hối; thăm dò và khai thác vàng, bạc, đá quý.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 Tập đoàn có 2.704 nhân viên (2008: 2.391 nhân viên); Công ty có 1.833 nhân viên (2008: 1.735 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính:

(i) Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(ii) Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào báo cáo hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc của sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch

toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ sau đó trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Năm tài chính: Năm tài chính của Tập đoàn và Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ:

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền: Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền bao gồm vàng và các khoản đầu tư ngắn

hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị.

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn, công cụ nợ và công cụ vốn chủ sở hữu của các công ty không chịu sự kiểm soát của Tập đoàn hoặc Tập đoàn không có những ảnh hưởng trọng yếu đến các công ty đó, được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa	3 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
Phương tiện vận chuyển	4 – 10 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn và quyền sử dụng đất thuê. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không phân bổ. Quyền sử dụng đất thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê đất.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bình khí đốt

Bình khí đốt được phản ánh theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(ii) Chi phí thuê nhà trả trước

Chi phí thuê nhà trả trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê từ 1 đến 5 năm.

(iii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 40 năm.

(iv) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu là thiết bị văn phòng không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định hữu hình theo quy định của Việt Nam do mỗi tài sản có nguyên giá thấp hơn 10 triệu VNĐ. Thiết bị văn phòng này được phân loại là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, công nợ và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Nợ dài hạn khác

Nợ dài hạn khác chủ yếu thể hiện các khoản ký quỹ cho bình khí đốt. Các khoản ký quỹ bình khí đốt này được phản ánh theo giá trị ký quỹ gốc trừ cho phí sử dụng bình của bên ký quỹ. Phí sử dụng hàng năm (tức khoản ghi có vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) tương đương với khoản khấu hao của bình khí đốt.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(q) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại thành nguồn vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp vào việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ nguồn vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi vốn cổ phần được ghi nhận là vốn sở hữu được mua lại, thì khoản đối ứng đã trả, bao gồm cả các chi phí liên quan trực tiếp, sau thuế, được ghi nhận là khoản giảm vốn chủ sở hữu. Cổ phần mua lại được phân loại vào cổ phiếu quỹ và được trình bày như một khoản giảm trừ của vốn chủ sở hữu.

(r) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

(s) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ tiền lãi chưa phân phối hàng năm dựa trên quyết định của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn. Khoản chi thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(t) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu

tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(u) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt

động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tập đoàn hoạt động trong một vùng địa lý, đó là Việt Nam.

(y) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

3. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

	Trang sức		Gas và vỏ bình gas	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Doanh thu bộ phận	9.625.906.882.540	3.500.788.372.647	475.733.323.321	496.922.905.776
Các khoản giảm trừ doanh thu của bộ phận	(34.163.577.238)	(25.043.759.774)	-	-
Giá vốn hàng bán bộ phận	(9.200.219.584.279)	(3.219.330.626.542)	(399.509.199.974)	(438.414.820.012)
Lợi nhuận gộp bộ phận	391.523.721.0	256.413.986.331	76.224.123.347	58.508.085.764
Kết quả bộ phận	227.349.187.790	142.217.112.943	31.295.914.084	15.447.891.564
Doanh thu không phân bổ				
Chi phí không phân bổ				
Mua sắm tài sản dài hạn	34.068.127.472	226.765.412.201	64.725.043.667	47.910.900.037
Khấu hao	9.486.041.403	8.513.241.968	3.864.554.875	4.216.987.346
Phân bổ	3.686.161.709	2.232.993.754	19.687.353.550	17.282.422.428

Thủy hải sản		Loại trừ hợp nhất		Hợp nhất	
2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
200.261.355.397	241.475.193.921	(11.398.370.744)	(34.950.528.781)	10.290.503.190.514	4.204.235.943.563
(39.851.390)	(343.001.205)	-	-	(34.203.428.628)	(25.386.760.979)
(166.295.177.539)	(206.373.778.217)	10.579.537.210	35.310.372.363	(9.755.444.424.582)	(3.828.808.852.408)
33.926.326.468	34.758.414.499	(818.833.534)	359.843.582	500.855.337.304	350.040.330.176
8.295.020.911	15.726.755.780	(1.614.612.671)	(543.535.856)	265.325.510.114	172.848.224.431
				74.014.998.344	56.899.530.012
				(75.807.391.931)	(63.237.590.959)
3.651.681.704	26.117.156.168	-	-	102.444.852.843	300.793.468.406
3.991.565.966	2.545.311.031	-	-	17.342.162.244	15.275.540.345
302.635.950	188.886.024	-	-	23.676.151.209	19.704.302.206

	Trang sức		Gas và vỏ bình gas		Thủy hải sản		Hợp nhất	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Tài sản của bộ phận	1.114.609.642.578	991.844.578.368	251.568.867.381	128.779.360.866	109.573.375.795	112.793.367.708	1.475.751.885.754	1.233.417.306.942
Tài sản không phân bổ							549.902.787.830	449.714.522.080
							<u>2.025.654.673.584</u>	<u>1.683.131.829.022</u>
Nợ phải trả của bộ phận	(758.158.201.794)	(534.384.575.669)	(152.721.632.959)	(104.018.710.137)	(76.536.069.854)	(80.409.918.856)	(987.415.904.607)	(718.813.204.662)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ Phân loại lại	2009 VNĐ	2008 VNĐ Phân loại lại
Tiền mặt tại quỹ	11.828.104.182	7.746.508.549	9.385.107.469	4.761.244.112
Tiền gửi ngân hàng	75.944.357.820	70.985.153.443	48.583.819.333	55.495.637.882
Các khoản tương đương tiền				
▪ Tiền đang chuyển	457.431.129	175.816.999	66.741.958	8.995.999
▪ Vàng	186.736.055.440	131.550.648.521	186.736.055.440	131.550.648.521
	<u>274.965.948.571</u>	<u>210.458.127.512</u>	<u>244.771.724.200</u>	<u>191.816.526.514</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, tiền mặt của Tập đoàn bao gồm các khoản khác VNĐ tương đương 24 tỷ VNĐ (2008: 11 tỷ VNĐ); tiền mặt của Công ty bao gồm các khoản khác VNĐ tương đương 17 tỷ VNĐ (2008: 10 tỷ VNĐ).

Tiền gửi ngân hàng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 37 tỷ VNĐ (2008: 42 tỷ VNĐ) bị giới hạn sử dụng.

5. Các khoản thu

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Hợp đồng ủy thác đầu tư	68.440.824.976	15.940.998.056	68.440.824.976	15.940.998.056
Cho công ty con vay	-	-	-	15.058.447.196
Phải thu từ công đoàn	802.479.644	-	802.479.644	-
Cho các công ty khác vay	-	2.474.281.199	-	2.474.281.199
Phải thu từ các dịch vụ cầm cố	2.044.045.000	2.457.150.000	2.044.045.000	2.457.150.000
Cho cổ đông vay	3.830.304.190	945.005.000	-	-
Thu khác	4.401.678.614	2.918.584.245	3.938.983.682	2.914.003.060
	<u>79.519.332.424</u>	<u>24.736.018.500</u>	<u>75.226.333.302</u>	<u>38.844.879.511</u>

Hợp đồng ủy thác đầu tư bao gồm những khoản đầu tư vào cổ phiếu của các công ty khác do công ty được ủy thác đại diện Tập đoàn thực hiện và được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư trên không phải ghi nhận do giá thị trường của các cổ phiếu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cao hơn nguyên giá.

Các khoản cho các công ty con và cổ đông vay không được bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả khi yêu cầu. Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Tập đoàn/Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Số dư đầu năm	721.092.873	727.732.873
Tăng dự phòng trong năm	911.257.776	-
Hoàn nhập	(59.055.906)	(6.640.000)
Số dư cuối năm	<u>1.573.294.743</u>	<u>721.092.873</u>

6. Hàng tồn kho

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ Phân loại lại	2009 VNĐ	2008 VNĐ Phân loại lại
Hàng đang đi đường	89.010.500	103.473.521	89.010.500	103.473.521
Nguyên vật liệu	12.293.324.813	19.456.742.861	7.618.548.866	6.150.543.272
Công cụ và dụng cụ	5.408.682.532	7.962.998.072	5.122.601.305	5.308.799.743
Sản xuất kinh doanh dở dang	4.093.837.930	3.418.376.001	4.031.573.511	1.587.928.243
Thành phẩm	47.838.397.836	61.634.829.169	25.955.783.651	29.927.669.673
Hàng hóa tồn kho	442.637.079.173	374.484.636.885	426.176.441.321	365.809.775.637
Hàng gửi đi bán	8.289.200.565	8.297.255.244	8.045.698.058	8.170.440.824
	520.649.533.349	475.358.311.753	477.039.657.212	417.058.630.913
Dự phòng hàng tồn kho	-	(2.337.642)	-	(2.337.642)
	520.649.533.349	475.355.974.111	477.039.657.212	417.056.293.271

7. Tài sản cố định hữu hình

TẬP ĐOÀN

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc và Thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	44.553.594.540	111.759.169.844	9.895.583.196	19.386.322.028	185.594.669.608
Tăng trong năm	2.168.566.488	11.385.401.109	1.235.945.489	1.011.516.809	15.801.429.895
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	21.865.152.138	2.485.345.157	-	-	24.350.497.295
Thanh lý	(144.225.600)	(745.738.263)	(66.335.150)	-	(956.299.013)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(7.482.883.969)	(36.038.080.180)	(1.027.989.187)	(755.654.454)	(45.304.607.790)
Số dư cuối năm	60.960.203.597	88.846.097.667	10.037.204.348	19.642.184.383	179.485.689.995
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	20.824.132.175	64.020.857.803	5.444.850.466	9.204.808.605	99.494.649.049
Khấu hao trong năm	4.640.839.664	9.023.846.667	2.080.066.426	1.597.409.487	17.342.162.244
Thanh lý	(76.203.473)	(263.996.930)	(66.335.150)	-	(406.535.553)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(5.480.518.200)	(32.181.074.760)	(983.560.402)	(755.654.454)	(39.400.807.816)
Số dư cuối năm	19.908.250.166	40.599.632.780	6.475.021.340	10.046.563.638	77.029.467.924
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	41.051.953.431	48.246.464.887	3.562.183.008	9.595.620.745	102.456.222.071
Số dư đầu năm	23.729.462.365	47.738.312.041	4.450.732.730	10.181.513.423	86.100.020.559

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản trị giá 19.305 triệu VNĐ đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 (2008: 47.088 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 38.339 triệu VNĐ (2008: 13.609 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

CÔNG TY

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	10.830.604.127	46.304.998.687	7.768.978.982	5.753.300.988	70.657.882.784
Tăng trong năm	1.425.588.306	9.294.620.187	1.015.665.520	424.588.571	12.160.462.584
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	12.261.514.511	-	-	-	12.261.514.511
Thanh lý	(124.696.600)	(745.738.263)	(66.335.150)	-	(936.770.013)
Số dư cuối năm	24.393.010.344	54.853.880.611	8.718.309.352	6.177.889.559	94.143.089.866
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	2.563.147.815	26.782.492.770	4.110.670.686	2.987.493.370	36.443.804.641
Khấu hao trong năm	1.162.539.065	5.832.373.597	1.885.556.490	605.572.251	9.486.041.403
Thanh lý	(76.203.473)	(263.996.930)	(66.335.150)	-	(406.535.553)
Số dư cuối năm	3.649.483.407	32.350.869.437	5.929.892.026	3.593.065.621	45.523.310.491
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	20.743.526.937	22.503.011.174	2.788.417.326	2.584.823.938	48.619.779.375
Số dư đầu năm	8.267.456.312	19.522.505.917	3.658.308.296	2.765.807.618	34.214.078.143

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản trị giá 17.318 triệu VNĐ đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 (2008: 14.710 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 11.504 triệu VNĐ (2008: 3.228 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

8. Tài sản cố định vô hình

TẬP ĐOÀN

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm vi tính VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	201.232.737.638	392.149.297	201.624.886.935
Tăng trong năm	9.607.800.000	493.419.713	10.101.219.713
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	-	(56.212.297)	(56.212.297)
Số dư cuối năm	210.840.537.638	829.356.713	211.669.894.351
Phân bổ lũy kế			
Số dư đầu năm	897.208.562	186.156.806	1.083.365.368
Phân bổ trong năm	188.886.024	146.626.866	335.512.890
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	-	(43.125.062)	(43.125.062)
Số dư cuối năm	1.086.094.586	289.658.610	1.375.753.196
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	209.754.443.052	539.698.103	210.294.141.155
Số dư đầu năm	200.335.529.076	205.992.491	200.541.521.567

CÔNG TY

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm vi tính VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	192.732.737.638	335.937.000	193.068.674.638
Tăng trong năm	9.607.800.000	156.034.613	9.763.834.613
Số dư cuối năm	202.340.537.638	491.971.613	202.832.509.251
Phân bổ lũy kế			
Số dư đầu năm	-	152.769.550	152.769.550
Phân bổ trong năm	-	97.527.465	97.527.465
Số dư cuối năm	-	250.297.015	250.297.015
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	202.340.537.638	241.674.598	202.582.212.236
Số dư đầu năm	192.732.737.638	183.167.450	192.915.905.088

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 tài sản cố định vô hình của Tập đoàn và Công ty với giá trị ghi sổ là 7.413 triệu VNĐ (2008: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Số dư đầu năm	25.124.318.854	630.038.000	13.164.071.681	188.181.818
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	2.467.554.424	-	-
Tăng trong năm	50.393.427.973	195.560.410.750	8.520.336.239	185.744.933.501
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(24.350.497.295)	(173.533.684.320)	(12.261.514.511)	(172.769.043.638)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.089.837.831)	-	-	-
Số dư cuối năm	50.077.411.701	25.124.318.854	9.422.893.409	13.164.071.681

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 40.654 triệu VNĐ (31/12/2008: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của công ty con của Công ty.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 502 triệu VNĐ (2008: không).

10. Đầu tư

a) Đầu tư ngắn hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Đầu tư chứng khoán	-	24.131.274.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	29.475.000.000	-	29.475.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(1.099.062.000)	-	-
Số dư cuối năm	29.475.000.000	23.032.212.000	29.475.000.000	-

Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm tiền gửi tại ngân hàng với thời hạn gốc đến ngày đáo hạn từ ngày 24 tháng 11 năm 2009 đến ngày 24 tháng 8 năm 2010 và hưởng lãi suất năm là 0,5%. Tiền gửi có kỳ hạn được thế chấp tại ngân hàng nhằm mục đích thanh toán hợp đồng mua bán ngoại tệ có kỳ hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

b) Đầu tư dài hạn

	Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào các công ty con:		
▪ Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt (“Đại Việt”) (a)	70.000.000.000	70.000.000.000
▪ Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	-	17.272.637.000
▪ Công ty Cổ phần Hải sản S.G (“S.G Fisco”) (b)	17.290.000.000	17.290.000.000
▪ Công ty TNHH CAO Fashion (“CAO”) (c)	3.700.000.000	-
	90.990.000.000	104.562.637.000

Biến động các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Số dư đầu năm	79.000.021.680	18.200.000.000	79.000.021.680	18.200.000.000
Góp vốn trong năm	39.392.641.000	60.800.021.680	31.884.861.000	60.800.021.680
Chia lợi nhuận trong công ty liên kết	11.337.816.750	-	-	-
Số dư cuối năm	129.730.479.430	79.000.021.680	110.884.882.680	79.000.021.680

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào các công ty liên kết:				
▪ Công ty Cổ phần An Cư Đông Á (“An Cư Đông Á”) (d)	71.965.739.593	46.200.000.000	70.066.300.000	46.200.000.000
▪ Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (“Nhiên liệu Sài Gòn”) (e)	49.926.514.956	32.800.021.680	40.818.582.680	32.800.021.680
▪ Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina (“Hong Vina”) (f)	7.838.224.881	-	-	-
	129.730.479.430	79.000.021.680	110.884.882.680	79.000.021.680

a. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 70% vốn cổ phần của Đại Việt, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Đại Việt là mua bán gas, bếp gas và phụ tùng máy móc, thiết bị, vật tư ngành dầu khí, cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa, mua bán dầu, mỡ bôi trơn, dầu nhờn và các sản phẩm hóa dầu.

b. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 57,63% vốn cổ phần của S.G Fisco, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của S.G Fisco là mua bán hàng thủy sản, nguyên liệu, vật tư, thiết bị, máy móc, phụ tùng phục vụ ngành chế biến thủy sản; mua bán hàng nông sản, lâm sản, thực phẩm; đại lý ký gởi hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, chế biến hàng nông, lâm, thủy sản, dịch vụ thương mại

c. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 100% vốn cổ phần của CAO, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của CAO là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thời trang như va li, túi xách, ví, giày, quần áo nội địa và nước hoa, đồng hồ, mắt kính, sản xuất và kinh doanh trang sức vàng và bạc; kinh doanh hàng lưu niệm, các sản phẩm đan len, nghệ thuật, các sản phẩm

thủ công; nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm nghệ thuật và thủ công.

d. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 23,36% vốn cổ phần của An Cư Đông Á, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của An Cư Đông Á là cung cấp dịch vụ thiết kế, quản lý dự án, dịch vụ xây dựng nhà cửa, cung cấp dịch vụ tư vấn bất động sản và đại lý bất động sản; kinh doanh nhà và trang trí nội thất.

e. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 22,72% vốn cổ phần của Nhiên liệu Sài Gòn, một công ty niêm yết được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Nhiên liệu Sài Gòn là kinh doanh các sản phẩm dầu và gas; kinh doanh các công cụ, dụng cụ và máy móc dùng dầu và gas, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bằng gỗ, dịch vụ vận chuyển, cho thuê và tư vấn xây dựng.

f. Khoản vay này thể hiện 35% cổ phiếu của Hong Vina, một công ty được thành lập tại Việt Nam, do Công ty Cổ phần Năng Lượng Đại Việt - công ty con do Công ty sở hữu 70% vốn nắm giữ. Hoạt động chính của Hong Vina

là sản xuất và kinh doanh bình gas, bình nén khí và các linh kiện của các sản phẩm này, cung cấp dịch vụ sửa chữa và bảo trì bình gas.

Một công ty liên kết trong Tập đoàn chưa đánh giá lại các khoản vay bằng vàng theo tỷ giá vàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Ban Giám đốc tin rằng cách hạch toán này là phù hợp và có thể chấp nhận được cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất vì công ty liên kết này không hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vàng, bạc, đá quý và hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể nào do Bộ Tài Chính ban hành về việc hạch toán các nghiệp vụ như trên. Nếu các khoản vay này được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán, khoản đầu tư vào công ty liên kết và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, và lợi nhuận cổ phần trong các công ty liên kết và lợi nhuận thuần hợp nhất sẽ giảm đi 12,3 tỷ VNĐ.

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Đầu tư dài hạn khác vào:				
▪ Ngân hàng Đông Á	272.083.613.400	232.151.913.400	272.083.613.400	232.151.913.400
▪ Công ty Cổ phần bất động sản Saigon M&C	65.380.375.000	65.380.375.000	65.380.375.000	65.380.375.000
▪ Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô	23.000.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Quê Hương – Liberty	40.833.320.000	37.500.000.000	40.833.320.000	37.500.000.000
▪ Trái phiếu chính phủ	200.000.000	450.000.000	200.000.000	450.000.000
	401.497.308.400	358.482.288.400	401.497.308.400	358.482.288.400

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư trong năm như sau:

	Công ty/Tập đoàn Đầu tư dài hạn		Tập đoàn Đầu tư ngắn hạn	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Số dư đầu năm	10.800.000.000	-	1.099.062.000	-
Tăng dự phòng trong năm	-	10.800.000.000	-	1.099.062.000
Sử dụng dự phòng trong năm	-	-	(1.099.062.000)	-
Số dư cuối năm	10.800.000.000	10.800.000.000	-	1.099.062.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản đầu tư dài hạn khác gồm các cổ phiếu của ngân hàng Đông Á với giá trị ghi sổ là 205 tỷ VNĐ (2008: 141 tỷ VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

11. Các công ty trong Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tập đoàn có các công ty con và các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	2009		2008	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con					
Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt	176/6 Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Hải sản S.G	C24-24B/II, Đường số 2F, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	57,63%	57,63%	57,63%	57,63%
Công ty TNHH CAO Fashion	170E Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	-	-
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần An Cư Đông Á	573/2 Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	23,36%	23,36%	23,36%	23,36%
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	Số 1A Phạm Ngọc Thạch, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	22,72%	22,72%	21,00%	21,00%
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina	295/71 An Dương Vương, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	0%	24,5%	70,00%	70,00%



Tài sản thuần của công ty con tại ngày thanh lý

VND

Tài sản

Tiền và các khoản tương đương tiền	312.936.649
Các khoản phải thu	12.575.173.529
Hàng tồn kho	15.923.323.098
Tài sản ngắn hạn khác	11.690.147.757
Tài sản cố định	5.916.887.209
Tài sản dài hạn khác	1.521.896.119

Nợ phải trả

Vay ngắn hạn	(15.640.500.200)
Phải trả thương mại	(5.503.687.223)
Nợ ngắn hạn khác	(2.373.433.518)
Nợ dài hạn	(871.386.416)

Tài sản thuần tại ngày thanh lý

23.551.357.005

Lợi ích cổ đông thiểu số

(7.316.439.998)

16.234.917.007

Tiền thu được từ thanh lý

21.450.800.000

5.215.882.993

Trừ đi:

Lợi ích thương mại	(814.349.006)
Quỹ dự phòng tài chính	102.943.449
Lợi nhuận chưa thực hiện thu được từ việc thanh lý công ty con cho một công ty con khác	(3.217.619.999)

Lợi nhuận thuần từ thanh lý công ty con

1.286.857.437

12. Chi phí trả trước dài hạn

TẬP ĐOÀN

	Bình khí đốt VNĐ	Thuê nhà VNĐ	Chi phí đất trả trước VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư đầu năm	142.434.828.477	9.943.740.267	-	2.049.365.741	154.427.934.485
Tăng trong năm	22.515.342.550	-	1.624.963.450	1.857.906.537	25.998.212.537
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	1.089.837.831	1.089.837.831
Phân bổ trong năm	(18.853.210.889)	(2.165.480.000)	-	(1.507.598.423)	(22.526.289.312)
Giảm từ thanh lý hoạt động kinh doanh	-	-	-	(72.323.000)	(72.323.000)
Số dư cuối năm	146.096.960.138	7.778.260.267	1.624.963.450	3.417.188.686	158.917.372.541

CÔNG TY

	Thuê nhà VNĐ	Chi phí đất trả trước VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư đầu năm	9.943.740.267	-	1.847.387.487	11.791.127.754
Tăng trong năm	-	1.624.963.450	1.938.204.950	3.563.168.400
Phân bổ trong năm	(2.165.480.000)	-	(1.423.154.244)	(3.588.634.244)
Số dư cuối năm	7.778.260.267	1.624.963.450	2.362.438.193	11.765.661.910

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Dự phòng trợ cấp thôi việc	941.363.000	664.929.490	941.363.000	429.143.803
Các khoản trích trước và dự phòng	-	68.793.967	-	-
Lỗi tính thuế mang sang	-	1.208.787.432	-	-
Lợi nhuận chưa thực hiện từ việc bán hàng trong nội bộ Tập đoàn	630.485.010	392.778.413	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(131.840.339)	-	(131.840.339)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>1.440.007.671</u>	<u>2.335.289.302</u>	<u>809.522.661</u>	<u>429.143.803</u>

Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ không hết hạn theo các quy định thuế hiện hành. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên lỗi tính thuế của một công ty con không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

14. Lợi thế thương mại

Nguyên giá

Số dư đầu năm	3.257.396.026
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(3.257.396.026)

Số dư cuối năm	<u>-</u>
----------------	----------

Phân bổ lũy kế

Số dư đầu năm	1.628.698.013
Phân bổ trong năm	814.349.007
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(2.443.047.020)

Số dư cuối năm	<u>-</u>
----------------	----------

Giá trị còn lại

Số dư cuối năm	-
Số dư đầu năm	<u>1.628.698.013</u>

15. Vay ngắn hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Vay ngắn hạn				
Từ ngân hàng				
▪ Bằng USD	26.817.000.000	5.239.699.790	26.817.000.000	5.239.699.790
▪ Bằng VNĐ	134.815.390.570	106.073.180.088	92.415.390.570	45.230.000.000
▪ Bằng vàng	501.218.330.644	357.634.183.027	501.218.330.644	357.634.183.027
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	662.850.721.214	468.947.062.905	620.450.721.214	408.103.882.817
Vay dài hạn đến hạn trả	5.073.561.778	1.243.319.340	715.000.000	1.243.319.340
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	667.924.282.992	470.190.382.245	621.165.721.214	409.347.202.157

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 các khoản vay từ ngân hàng của Công ty bao gồm 319.962 triệu VNĐ (2008: 202.833 triệu VNĐ) là khoản không được bảo đảm và khoản 300.488 triệu VNĐ (2008: 205.271 triệu VNĐ) được bảo đảm bởi cổ phiếu của Ngân hàng Đông Á của Công ty với giá trị ghi sổ là 205 tỷ VNĐ (2008: 141 tỷ VNĐ).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 các khoản vay từ ngân hàng của các công ty con bao gồm 14.400 triệu VNĐ (2008: 2.820 triệu VNĐ) được bảo đảm bởi Công ty và 28.000 triệu VNĐ được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình và vô hình với giá trị ghi sổ là 15.149 triệu VNĐ và 7.413 triệu VNĐ tương ứng.

Các khoản vay từ ngân hàng bằng USD, VNĐ và vàng chịu lãi suất năm dao động lần lượt từ 5,50% đến 7,50% (2008: từ 5,50% đến 8,50%), 9,80% đến 12,00% (2008: 10,80% đến 21,00%) và 5,40% đến 7,90% (2008: 4,20% đến 8,70%) một năm.

16. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	2.837.398.135	8.048.410.317	2.825.995.746	7.762.559.524
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.650.050.638	6.741.004.336	6.935.093.797	3.189.539.064
Thuế khác	327.670.989	141.441.006	277.570.820	60.211.211
	<u>18.815.119.762</u>	<u>14.930.855.659</u>	<u>10.038.660.363</u>	<u>11.012.309.799</u>

17. Chi phí phải trả

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Chi phí lãi vay	2.567.678.193	1.036.430.633	2.567.678.193	909.542.718
Tiền thưởng và lương tháng 13	2.025.352.570	1.228.644.639	-	-
Chi phí khuyến mại, chiết khấu	4.130.255.519	-	3.129.326.822	-
Phí kiểm toán	388.059.000	354.094.000	388.059.000	309.094.000
Thuê nhà	1.137.620.410	1.423.220.144	1.137.620.410	1.423.220.144
Lỗ từ kinh doanh vàng	1.794.069.934	-	1.794.069.934	-
Lỗ từ hợp đồng ngoại hối	1.279.500.000	-	1.279.500.000	-
Chi phí khác	316.129.801	1.565.141.217	314.809.437	1.184.780.575
	<u>13.638.665.427</u>	<u>5.607.530.633</u>	<u>10.611.063.796</u>	<u>3.826.637.437</u>

18. Phải trả khác

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND
Phí công đoàn	1.284.787.522	1.506.790.945	910.520.322	1.169.054.607
Bảo hiểm xã hội	540.544.945	278.016.138	473.018.826	130.067.359
Bảo hiểm y tế	444.854.097	90.056.075	427.194.177	82.581.126
Cổ tức	21.059.613.000	971.886.000	21.059.613.000	971.886.000
Doanh thu nhận trước	-	-	7.015.739.377	9.297.148.081
Quỹ cho Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	6.620.466.852	4.806.928.386	6.339.175.546	4.478.234.546
Cho các công ty con vay	-	-	16.149.448.994	-
Khác	14.615.101.559	4.679.990.973	13.384.912.680	4.642.918.995
	<u>44.565.367.975</u>	<u>12.333.668.517</u>	<u>65.759.622.922</u>	<u>20.771.890.714</u>

19. Vay dài hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND
Từ Ngân hàng Đông Á				
▪ Khoản vay 1	-	637.573.381	-	637.573.381
▪ Khoản vay 2	-	769.980.225	-	769.980.225
▪ Khoản vay 3	-	1.691.767.695	-	1.691.767.695
▪ Khoản vay 4 (a)	10.756.900.081	14.465.606.311	-	-
▪ Khoản vay 5 (b)	1.098.000.000	-	1.098.000.000	-
▪ Khoản vay 6 (c)	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu				
▪ Khoản vay 7 (d)	26.441.175.933	-	-	-
	<u>53.296.076.014</u>	<u>17.564.927.612</u>	<u>16.098.000.000</u>	<u>3.099.321.301</u>
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(5.073.561.778)	(1.243.319.340)	(715.000.000)	(1.243.319.340)
Hoàn trả sau 12 tháng	<u>48.222.514.236</u>	<u>16.321.608.272</u>	<u>15.383.000.000</u>	<u>1.856.001.961</u>

a. Khoản vay 4 bằng Đô la Mỹ, liên quan đến khoản vay của một công ty con được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 11.686 triệu VNĐ (2008: 10.381 triệu VNĐ). Khoản vay này chịu lãi suất năm 9% (31/12/2008: 10,05%) trong năm. Khoản vay gốc chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 559.570 USD (31/12/2008: 852.071 USD) và được hoàn trả trong 10 quý bằng nhau, mỗi quý trả 50.500 USD và số dư còn lại 54.570 USD được hoàn trả vào kỳ cuối là tháng 6 năm 2012.

b. Khoản vay 5 được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1.909 triệu VNĐ và chịu lãi suất năm là 10,5%. Khoản vay này được hoàn trả trong 32 tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 34 triệu VNĐ bắt đầu từ tháng 10 năm 2009 và số dư còn lại được hoàn trả vào kỳ cuối là tháng 9 năm 2012.

c. Khoản vay 6 được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 9.595 triệu VNĐ và chịu lãi suất năm là 12%. Khoản vay này được hoàn trả trong 48 tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 307 triệu VNĐ bắt đầu từ tháng 12 năm 2012 và số dư còn lại được hoàn trả vào tháng 12 năm 2014.

d. Khoản vay 7 liên quan đến khoản vay của một công ty con được bảo đảm bằng xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 40.654 triệu VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 10,05% đến 12%. Khoản vay gốc chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được hoàn trả trong 72 tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 367 triệu VNĐ.

20. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ
Số dư đầu năm	3.299.123.749	2.340.937.100
Trích lập dự phòng trong năm	1.697.198.330	1.692.634.871
Sử dụng dự phòng trong năm	(345.289.403)	(268.119.970)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(871.386.416)	-
Số dư cuối năm	3.779.646.260	3.765.452.001

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày

1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tập đoàn đã đóng 369 triệu VNĐ (31/12/2008: Không) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh hợp nhất, Công ty đã đóng 288 triệu VNĐ (31/12/2008: Không) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh.

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	2009		2008	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	40.000.000	400.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	39.999.921	399.999.210.000	30.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(709)	(7.090.000)	-	-
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	39.999.212	399.992.120.000	30.000.000	300.000.000.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2009		2008	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu thưởng phát hành trong năm	9.999.921	99.999.210.000	-	-
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	(709)	(7.090.000)	-	-
Số dư cuối năm	39.999.212	399.992.120.000	30.000.000	300.000.000.000

Biến động thặng dư vốn cổ phần trong năm như sau:

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Số dư đầu năm	525.000.000.000	525.000.000.000
Cổ phiếu thưởng phát hành trong năm	(99.999.210.000)	-
Số dư cuối năm	<u>425.000.790.000</u>	<u>525.000.000.000</u>

22. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Số dư đầu năm	19.960.194.077	8.118.542.217	18.772.582.913	8.090.539.342
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	91.464.400	-	-
Tăng trong năm	29.344.950.758	25.272.280.393	27.314.626.000	23.933.162.000
Sử dụng quỹ trong năm	(13.608.678.891)	(13.522.092.933)	(11.440.147.496)	(13.251.118.429)
Số dư cuối năm	<u>35.696.465.944</u>	<u>19.960.194.077</u>	<u>34.647.061.417</u>	<u>18.772.582.913</u>

23. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Tập đoàn	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Số dư đầu năm	50.759.929.838	29.963.138.818
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh	-	12.595.210.797
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm	-	6.418.455.498
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	15.340.366.447	6.300.247.042
Phần trích quỹ phân bổ cho cổ đông thiểu số	(8.153.835.365)	(513.065.519)
Cổ tức chi trả cho cổ đông thiểu số	(4.092.849.000)	(4.004.056.798)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(7.316.439.998)	-
Chuyển từ các quỹ	263.969.772	-
Số dư cuối năm	<u>46.801.141.694</u>	<u>50.759.929.838</u>

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Lãi tiền gửi	1.536.487.997	2.768.255.132	720.815.943	2.276.729.864
Thu từ đầu tư chứng khoán thông qua quỹ ủy thác	10.342.193.078	-	10.342.193.078	-
Thu từ đầu tư chứng khoán	25.893.396.000	-	900.000.000	-
Cổ tức	32.392.841.031	34.993.328.575	40.708.607.400	42.305.528.575
Thu từ kinh doanh vàng	769.849.903	12.393.859.075	769.849.903	12.393.859.075
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.744.736.740	4.545.836.162	-	886.623.493
Lãi từ thanh lý công ty con	1.286.857.437	-	4.178.163.000	-
Doanh thu tài chính khác	48.636.158	2.198.251.068	-	2.041.348.068
	74.014.998.344	56.899.530.012	57.619.629.324	59.904.089.075

25. Chi phí hoạt động tài chính

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Chi phí lãi vay	41.421.831.862	32.978.648.561	35.701.424.763	27.804.402.620
Lỗ từ đầu tư chứng khoán	156.218.940	11.412.702.677	-	10.480.205.677
Lỗ chênh lệch tỷ giá	33.834.806.486	18.776.263.919	29.362.860.973	10.706.744.250
Chi phí tài chính khác	394.534.643	69.975.802	-	5.593.163
	75.807.391.931	63.237.590.959	65.064.285.736	48.996.945.710

26. Thu nhập khác

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Lãi do chuyển tài sản cho công ty con	-	-	2.281.409.000	2.281.409.000
Tiền ký quỹ bình khí đốt đưa thu nhập	9.799.005.182	8.624.218.335	-	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	751.500.000	-	743.500.000	-
Thu từ thanh lý công cụ, thiết bị và linh kiện	65.902.000	-	-	-
Thu nhập khác	1.485.142.842	2.542.973.920	1.125.673.716	1.187.991.970
	<u>12.101.550.024</u>	<u>11.167.192.255</u>	<u>4.150.582.716</u>	<u>3.469.400.970</u>

27. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Chi phí thuế hiện hành				
Năm hiện hành	54.552.299.565	35.528.877.415	45.738.661.952	31.426.235.324
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại				
Phát sinh/(hoàn nhập) chênh lệch tạm thời	336.191.501	(880.428.750)	(380.378.858)	(429.143.803)
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	-	(2.108.044)	-	-
	<u>336.191.501</u>	<u>(882.536.794)</u>	<u>(380.378.858)</u>	<u>(429.143.803)</u>
Chi phí thuế thu nhập	<u>54.888.491.066</u>	<u>34.646.340.621</u>	<u>45.358.283.094</u>	<u>30.997.091.521</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	274.720.370.552	166.510.163.484	221.031.957.115	153.124.256.308
Thuế theo thuế suất của Công ty	68.680.092.638	46.622.845.775	55.257.989.279	42.874.791.766
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(275.667.402)	(1.059.527.184)	-	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	481.032.916	1.245.697.766	277.445.665	606.903.338
Thu nhập miễn thuế	(10.267.306.225)	(10.284.997.543)	(10.177.151.850)	(12.484.603.583)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên lỗ tính thuế không được ghi nhận	281.328.985	-	-	-
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(4.010.989.846)	(1.490.971.125)	-	-
Ảnh hưởng của lợi nhuận chưa thực hiện	-	(386.707.068)	-	-
	54.888.491.066	34.646.340.621	45.358.283.094	30.997.091.521

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cho Nhà nước như sau:

Doanh nghiệp	Thuế suất hiện hành	Ưu đãi thuế
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	25%	Không
Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt	25%	Giảm 30% chi phí thuế thu nhập hiện hành cho quý 4 năm 2008 và cả năm 2009 theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC (“Thông tư 03”) do Bộ tài chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009.
Công ty TNHH CAO Fashion	25%	Không
Công ty Cổ phần Thủy sản S.G	15%	Giảm 50% chi phí thuế thu nhập từ năm 2008 đến năm 2014 và giảm thêm 20% chi phí thuế thu nhập trên phần lợi nhuận từ xuất khẩu.

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Lợi nhuận thuần trong năm	204.491.513.039	125.563.575.821	175.673.674.021	122.127.164.787
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	204.491.513.039	125.563.575.821	175.673.674.021	122.127.164.787

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành

	Tập đoàn/Công ty	
	2009	2008
Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu năm	30.000.000	30.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng đã phát hành	9.999.921	9.999.921
Ảnh hưởng của cổ phiếu ngân quỹ được mua lại vào ngày 19 tháng 10 năm 2009	(142)	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	39.999.779	39.999.921

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Cùng với số dư của các bên liên qua trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan sau:

	CÔNG TY		TẬP ĐOÀN	
	Giá trị giao dịch		Giá trị giao dịch	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Các công ty liên quan				
Đại Việt				
Vay ngắn hạn	16.216.152.804	51.116.907.826	-	-
Cổ tức nhận được	9.800.000.000	4.200.000.000	-	-
Thanh lý công ty con	10.725.400.000	-	-	-
Cho vay	16.041.552.804	-	-	-
Hong Vina				
Bán tài sản cố định	710.000.000	-	-	-
S.G Fisco				
Cổ tức nhận được	-	3.112.200.000	-	-
An Cư Đông Á				
Phải trả xây dựng sửa chữa, nhà cửa	12.896.484.187	-	-	-
Vay ngắn hạn	32.000.000.000	-	-	-
Tạm ứng	22.500.000.000	-	-	-
Góp vốn	23.866.300.000	-	-	-
Nhiên liệu Sài Gòn				
Cổ tức nhận được	2.045.204.000	314.770.000	-	-
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành				
Cổ tức nhận được	45.000.000	-	-	-
CAO				
Bán hàng hóa	20.091.222	-	-	-
Mua hàng hóa	344.195.165	-	-	-
Góp vốn	3.700.000.000	-	-	-
Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị				
Lương và thù lao	5.013.938.080	4.273.708.180	5.013.938.080	4.273.708.180

30. Các cam kết

(a) Mua sắm tài sản

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 Tập đoàn và Công ty có các cam kết mua sắm tài sản sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	TẬP ĐOÀN		CÔNG TY	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	25.143.362.700	3.812.726.570	22.846.053.800	3.812.726.570

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	TẬP ĐOÀN		CÔNG TY	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Trong vòng một năm	7.106.035.539	8.713.228.981	7.020.819.101	8.356.457.731
Trong vòng hai đến năm năm	15.991.273.139	18.449.754.703	15.510.944.372	17.304.176.881
Sau năm năm	4.414.989.745	4.980.522.384	4.414.989.745	4.980.522.384
	27.512.298.423	32.143.506.068	26.946.753.218	30.641.156.996

31. Hợp đồng mua bán ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Công ty có các cam kết mua 1.579.625 USD được ghi nhận là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán như sau:

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Cam kết hợp đồng mua bán ngoại tệ	29.587.955.875	-

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	TẬP ĐOÀN		CÔNG TY	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	9.062.511.552.189	3.691.397.248.039	8.936.996.430.269	3.408.688.177.081
Chi phí nhân công	124.228.475.909	99.445.585.058	97.445.471.605	73.035.548.951
Chi phí khấu hao và phân bổ	16.039.703.608	36.065.641.226	9.583.568.868	10.746.235.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.594.102.859	47.925.120.442	43.138.206.775	27.290.833.000
Chi phí khác	76.097.719.815	60.817.853.975	64.592.519.155	54.799.194.448

33. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm nay như sau:

	TẬP ĐOÀN		CÔNG TY	
	31/12/2008 (Phân loại lại) VNĐ	31/12/2008 (đã trình bày trước đây) VNĐ	31/12/2008 (Phân loại lại) VNĐ	31/12/2008 (đã trình bày trước đây) VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	131.726.465.520	538.785.714.660	131.559.644.520	538.618.893.660
Hàng tồn kho	475.358.311.753	68.299.062.613	417.058.630.913	9.999.381.773
Đầu tư vào các công ty liên kết	79.000.021.680	-	79.000.021.680	-
Đầu tư dài hạn khác	358.482.288.400	437.482.310.080	358.482.288.400	437.482.310.080

Người lập

Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người duyệt

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc
(Đã ký và đóng dấu)

> QUAN HỆ CỔ ĐÔNG



Báo cáo thay đổi vốn sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

TẬP ĐOÀN

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008	300.000.000.000	525.000.000.000	-	11.113.518.929	3.775.885.965	88.836.117.479	928.725.522.373
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	125.563.575.821	125.563.575.821
Trích lập các quỹ	-	-	-	20.614.765.751	11.708.436.875	(57.082.417.500)	(24.759.214.874)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(126.750.000.000)	(126.750.000.000)
Sử dụng quỹ dự phòng trong năm	-	-	-	-	(35.000.000)	-	(35.000.000)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(9.146.382.875)	(9.146.382.875)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	300.000.000.000	525.000.000.000	-	31.728.284.680	15.449.322.840	21.420.892.925	893.598.500.445

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	300.000.000.000	525.000.000.000	-	31.728.284.680	15.449.322.840	21.420.892.925	893.598.500.445
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	99.999.210.000	(99.999.210.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	204.491.513.039	204.491.513.039
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(7.090.000)	-	-	-	(7.090.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	21.525.003.613	10.363.627.186	(53.079.746.192)	(21.191.115.393)
Chuyển từ quỹ sang lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	(425.337.274)	-	628.488.770	203.151.496
Cổ tức	-	-	-	-	-	(116.998.818.000)	(116.998.818.000)
Sử dụng quỹ dự phòng trong năm	-	-	-	(129.024.065)	(5.850.000)	-	(134.874.065)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(4.117.162.734)	(4.117.162.734)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	(102.943.449)	-	(102.943.449)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	399.999.210.000	425.000.790.000	(7.090.000)	52.698.926.954	25.704.156.577	52.345.167.808	955.741.161.339

Người lập

Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người duyệt

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc
(Đã ký và đóng dấu)

CÔNG TY

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008	300.000.000.000	525.000.000.000	-	11.070.897.000	3.754.575.000	87.654.252.207	927.479.724.207
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	122.127.164.787	122.127.164.787
Trích lập các quỹ	-	-	-	20.000.000.000	11.401.054.000	(55.334.216.000)	(23.933.162.000)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(126.750.000.000)	(126.750.000.000)
Sử dụng quỹ dự phòng trong năm	-	-	-	-	(35.000.000)	-	(35.000.000)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(8.839.000.000)	(8.839.000.000)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	300.000.000.000	525.000.000.000	-	31.070.897.000	15.120.629.000	18.858.200.994	890.049.726.994

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	300.000.000.000	525.000.000.000	-	31.070.897.000	15.120.629.000	18.858.200.994	890.049.726.994
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	99.999.210.000	(99.999.210.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	175.673.674.021	175.673.674.021
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(7.090.000)	-	-	-	(7.090.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	9.014.875.000	(36.329.501.000)	(27.314.626.000)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(116.998.818.000)	(116.998.818.000)
Sử dụng quỹ dự phòng trong năm	-	-	-	-	(5.850.000)	-	(5.850.000)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(3.285.319.000)	(3.285.319.000)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	399.999.210.000	425.000.790.000	(7.090.000)	31.070.897.000	24.129.654.000	37.918.237.015	918.111.698.015

Báo cáo thù lao của HĐQT, BKS và Báo cáo lương, trợ cấp của Tổng giám đốc năm 2009

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận
V/v Báo cáo thù lao của HĐQT, BKS và Báo cáo lương, trợ cấp của Tổng giám đốc năm 2009

1. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Thù lao của Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị	10.000.000 đồng/tháng
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	7.000.000 đồng/tháng
Ủy viên Hội đồng quản trị	5.000.000 đồng/tháng

Thù lao của Ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát	4.000.000 đồng/tháng
Thành viên Ban kiểm soát	2.000.000 đồng/tháng

2. Lương, trợ cấp của Tổng Giám đốc:

Lương, trợ cấp của Tổng giám đốc	78.500.000 đồng/tháng
Thưởng:	2,5 tháng lương
(bao gồm 1 tháng lương thứ 13 và 1,5 tháng lương ABC)	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông.

TM. Hội Đồng Quản Trị
Chủ Tịch

Cao Thị Ngọc Dung
(Đã ký và đóng dấu)

> HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Bà *Cao Thị Ngọc Dung*
Chủ tịch HĐQT
2. Bà *Nguyễn Thị Cúc*
Ủy viên HĐQT
3. Ông *Nguyễn Vũ Phan*
Phó Chủ tịch HĐQT
4. Bà *Nguyễn Thị Ngo*
Thành viên HĐQT
5. Ông *Đặng Phước Dừa*
Thành viên HĐQT



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Bà Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám Đốc
2. Bà Nguyễn Thị Cúc
Phó TGD Thường trực
3. Ông Nguyễn Vũ Phan
Phó TGD Kỹ thuật
4. Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh
Phó TGD Đầu tư
5. Ông Lê Hữu Hạnh
Phó TGD Kinh doanh



BAN KIỂM SOÁT

1. Bà Trương Nguyễn Thiên Kim
Trưởng Ban kiểm soát
2. Ông Võ Như Tố
Thành viên Ban kiểm soát
3. Ông Trần Văn Dân
Thành viên Ban kiểm soát



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI THỜI ĐIỂM 01/03/2010:

1. Cơ cấu cổ đông:

Tính đến ngày 01/03/2010, cơ cấu cổ đông của Công ty gồm:

Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ
Cổ đông trong nước	29.627.166	74,0700%
<i>Cá nhân</i>	22.943.199	57,3581%
<i>Tổ chức</i>	6.683.258	16,7082%
<i>Cổ phiếu quỹ</i>	709	0,0018%
Cổ đông nước ngoài	10.372.755	25,9300%
<i>Cá nhân</i>	35.726	0,0893%
<i>Tổ chức</i>	10.337.029	25,8426%
Tổng cộng	39.999.921	100%

2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần:

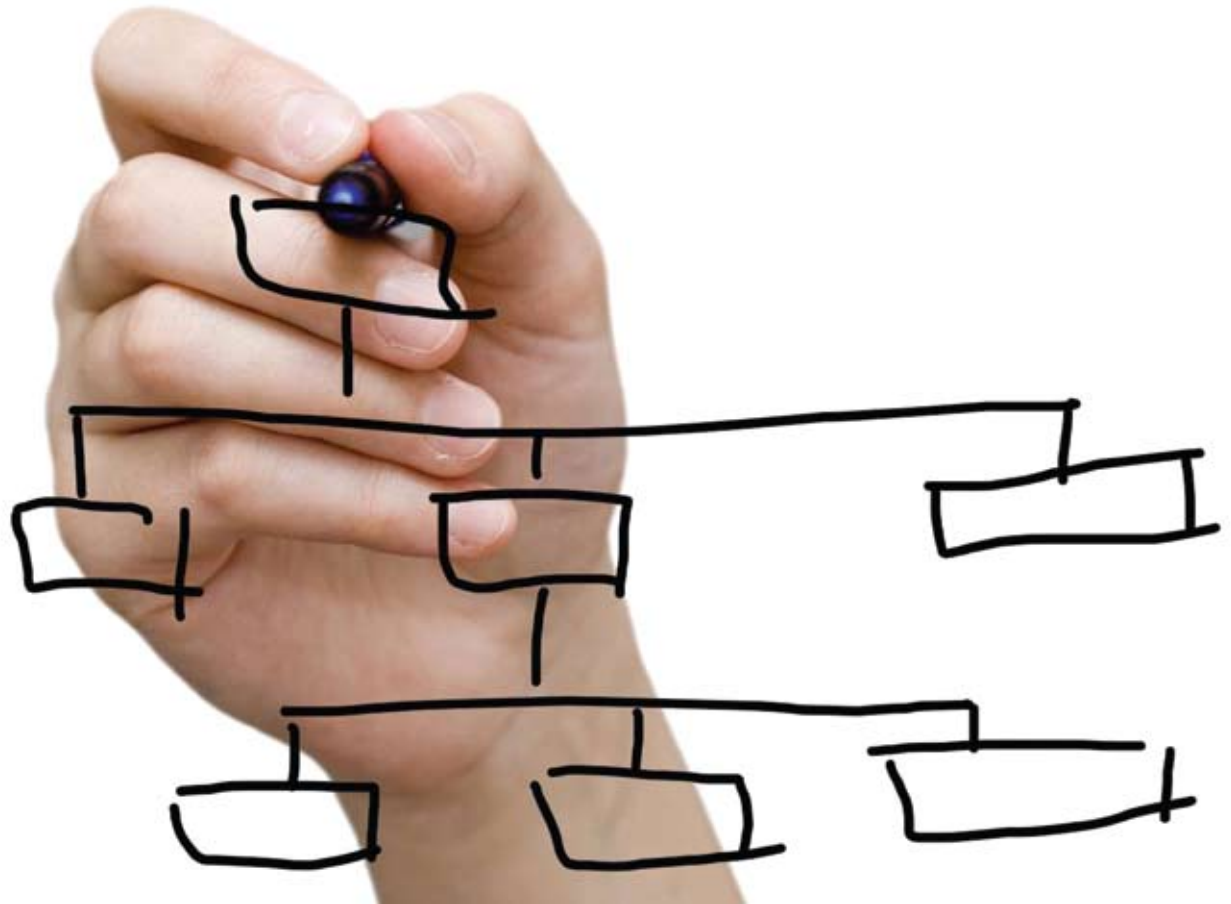
Tại thời điểm 01/03/2010, danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên gồm:

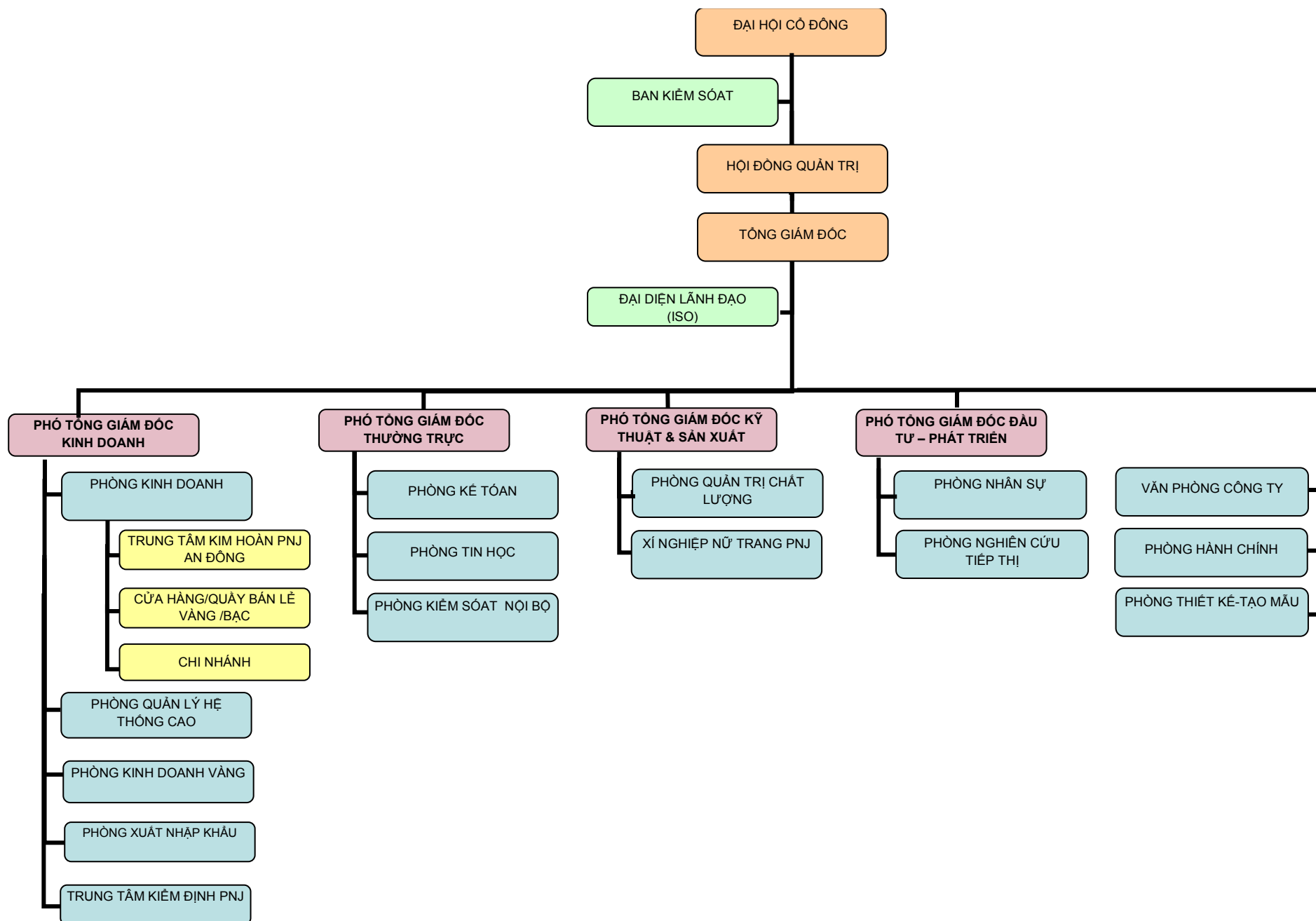
Tên Cổ đông	Địa chỉ	CMND/ ĐKKD	Số cổ phần	Tỷ lệ
Cao Thị Ngọc Dung	82/138 Lý Chính Thắng, P.8, Q.3, TP.HCM	020588193	4.059.280	10,1482%
Vietnam Azalea Fund Limited (VAF)	P.O. Box 1984, Boundary Hall, Cricket Square, Grand Cayman, KY1-1104, Cayman Islands	CS 6153	2.666.666	6,6667%

**THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU VÀ CÁC GIAO DỊCH KHÁC CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT – BTGD
VÀ NHỮNG NGƯỜI LIÊN QUAN ĐẾN ĐỐI TƯỢNG TRÊN**

Stt	Tên cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch	Tên của người có liên quan	Thời gian giao dịch	Loại giao dịch (Đvt: cổ phần)		
				Bán	Mua	Khác
1.	Lê Ngọc Hội	Lê Hữu Hạnh (PTGD)	Từ 23/03/2010 Đến 05/04/2010	15.000	5.000	
2.	Cao Thị Thúy	Cao Thị Ngọc Dung (Chủ tịch HĐQT kiêm TGD)	Từ 04/12/2009 Đến 28/01/2010	81.066		
3.	Đặng Ngọc Thảo	Đặng Thị Lại (Kế toán trưởng)	Từ 28/12/2009 Đến 05/01/2010	7.330		
4.	Đặng Phước Dừa	Thành viên HĐQT	Từ 28/12/2009 Đến 25/01/2010	50.216		
5.	Trương Thị Đơn	Đặng Phước Dừa (Thành viên HĐQT)	Từ 28/12/2009 Đến 25/01/2010	179.280		
6.	CTCP Đầu tư và Thương mại Việt Tín	Đặng Phước Dừa (Thành viên HĐQT)	Từ 28/12/2009 Đến 25/01/2010		539.582	
7.	Nguyễn Thị Phương Loan	Nguyễn Thị Cúc (UV HĐQT kiêm PTGD)	Từ 27/10/2009 Đến 31/01/2010	66.666		
8.	Đặng Phước Cường	Đặng Phước Dừa (Thành viên HĐQT)	Ngày 12/06/2009	25.600		

> TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ





1. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

a. Số lượng cán bộ, nhân viên

	TIÊU CHÍ THỐNG KÊ	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
1	Tổng Nhân Sự	510	530	763	832	1.030	1.403	1.619	1724	1765	1860
2	Phân loại lao động theo kết cấu lao động										
	<i>Quản lý</i>	48	48	67	66	69	86	108	117	109	144
	<i>Gián tiếp</i>	51	90	131	136	267	270	315	322	320	368
	<i>Trực tiếp sản xuất</i>	309	287	319	370	379	727	839	846	839	799
	<i>Trực tiếp kinh doanh</i>	102	105	246	260	315	320	357	440	497	549
3	Phân loại lao động theo HDLĐ										
	<i>Không thời hạn</i>		42	38	38	251	250	234	369	626	794
	<i>Ba năm</i>					240	619	790	836	731	600
	<i>Một năm</i>		467	718	794	530	530	585	515	404	462
	<i>Khoản</i>						4	5	4	4	4
4	Trình độ học vấn										
	<i>Sau đại học</i>				2	2	2	4	4	7	11
	<i>Đại học</i>			132	140	162	173	203	212	208	233
	<i>Cao đẳng</i>			31	36	58	39	65	79	78	86
	<i>Trung cấp</i>			58	58	84	97	158	167	179	197
	<i>Cấp 3</i>			58	432	526	616	735	793	812	873
	<i>Cấp 2</i>			153	164	198	476	454	470	481	460

b. Chính sách đối với người lao động

Chính sách tuyển dụng của PNJ:

- Thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao
- Thu hút những ứng viên mới có tiềm năng.
- Chú trọng các sinh viên mới tốt nghiệp loại khá, giỏi trở lên từ các trường đại học
- PNJ ưu tiên thực hiện xây dựng và phát triển nguồn lực bên trong; luôn luôn tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp cho nhân viên nội bộ công ty.
- Hoạt động tuyển dụng luôn đảm bảo công bằng minh bạch

Chính sách đào tạo:

- Đào tạo và phát triển nhân viên là công tác được ưu tiên hàng đầu của PNJ. Mục tiêu là xây dựng và phát triển đội ngũ nhà nghề nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức kinh doanh, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và nhiệt tình phục vụ khách hàng trong hệ thống PNJ được khuyến khích đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ chuyên môn phù hợp với chức năng công việc và chuẩn bị cho những công việc có trách nhiệm cao hơn.
- Về chủ trương, tất cả các nhân viên trong hệ thống PNJ đều có cơ hội tham dự các khoá huấn luyện đào tạo nghiệp vụ theo nhu cầu công việc bên trong và bên ngoài, được công ty tài trợ mọi chi phí. Ưu tiên đào tạo quy hoạch lực lượng quản lý dự bị và chuyên môn kỹ thuật.

Chế độ khen thưởng: Chế độ khen thưởng cho nhân viên gắn liền với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Về quy định chung, PNJ có các chế độ cơ bản như sau:

- Một năm, nhân viên được hưởng tối thiểu 13 tháng lương
- Ngoài ra nhân viên còn được hưởng thêm lương theo năng suất và công việc
- Thưởng cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong năm, thưởng sáng kiến.
- Thưởng trong các dịp lễ, tết của quốc gia và kỷ niệm thành lập công ty.

2. Quan niệm nhân sự và biểu đồ tăng trưởng nguồn nhân lực

a. Quan niệm nhân sự của công ty

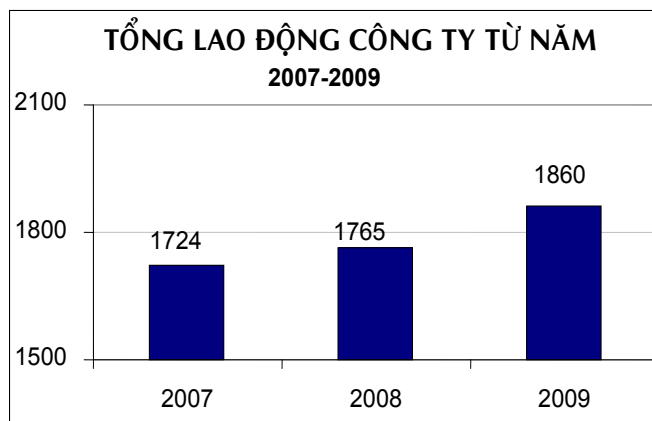
Nguồn nhân sự là tài sản quý của công ty PNJ. Chính sách nhân sự của PNJ ưu tiên để bạt những nhân viên trẻ có năng lực, có lòng nhiệt huyết, và có thành tích tốt trong công việc lên các cấp quản lý cấp trung và cấp cao. Đây là nơi phù hợp cho những ai tích lũy đủ kiến thức và kinh nghiệm cần thiết, có ước mơ vươn lên và nhu cầu tự khẳng định mình biến ước mơ thành hiện thực.

PNJ luôn dành cho nhân sự mới sự tiếp đón nồng ấm khi gia nhập đại gia đình PNJ. PNJ xây dựng một môi trường văn hóa bền vững trên nền tảng giá trị nhân văn, quan tâm đến tinh thần, sự đoàn kết giúp đỡ và chia sẻ lẫn nhau của mọi thành viên mà còn sẽ tạo nên một gia đình thứ hai ngay tại PNJ. Với quan điểm đó, PNJ đòi hỏi nhân viên không chỉ trau dồi chuyên môn nghiệp vụ, mà còn luôn thể hiện tinh thần đạo đức tốt thông qua việc quan tâm đến xã hội và môi trường xung quanh

Để có được nguồn nhân lực lãnh đạo cấp trung và cấp cao, PNJ đã đầu tư rất nhiều trong việc tìm kiếm các ứng viên giỏi chuyên môn, có tư chất lãnh đạo để đào tạo đội ngũ kế thừa. Những ứng viên này sẽ được giao các thử

thách khác nhau, từ dễ đến khó, từ quản lý một nhóm nhỏ đến lãnh đạo nhóm lớn hơn, gánh vác những công việc đơn giản đến nhận lãnh những công việc có trách nhiệm nặng nề hơn, giúp họ tự tin và phát huy tối đa tố chất lãnh đạo của mình.

b. Biểu đồ tăng trưởng nguồn nhân lực



3. Các thay đổi quan trọng về tổ chức và nhân sự năm 2009

- Khối cửa hàng: Định biên lại toàn bộ nhân sự khối cửa hàng phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh từng đơn vị

- Khối phòng ban: tách, sát nhập và thành lập một số phòng ban nhằm chuyên môn hóa từng mảng nghiệp vụ chuyên nghiệp hơn.

- Khối sản xuất: Phân bổ lại các công đoạn sản xuất, kết hợp với định biên lao động và bố trí máy móc thiết bị hợp lý nhằm rút ngắn thời gian sản xuất, nâng cao năng suất lao động.

> CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM



Lễ đón nhận Huân chương lao động hạng 3 của Công đoàn PNJ



Giải Vàng Chất lượng Quốc gia 2009



Top 500 nhà bán lẻ hàng đầu Châu Á – Thái Bình Dương



Giải thưởng Sao vàng Đất Việt



Danh hiệu hàng Việt Nam Chất lượng cao, thương hiệu trang sức hàng đầu Việt Nam do người tiêu dùng bình chọn



Thương hiệu mạnh



Doanh nhân SG tiêu biểu

> TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI



Trong nhiều năm qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của PNJ luôn luôn đồng hành cùng công tác xã hội từ thiện. Chỉ riêng năm 2009, quỹ từ thiện PNJ đã dành trên 3 tỷ đồng để chăm lo cho công tác hoạt động xã hội cộng đồng. Đây là những chia sẻ mang ý nghĩa sâu sắc của tập thể CB.CNV PNJ, thể hiện ý thức trách nhiệm rất cao của CB.CNV PNJ.

Dành 800 triệu đồng chăm lo tết cho người nghèo 2010

Quỹ từ thiện PNJ đã tổ chức trao tặng gần 3.000 phần quà cho người nghèo Quận Phú Nhuận, người mù và trẻ em khuyết tật trên địa bàn quận và bà con nghèo tại Kontum và Đắc Lắc, các tỉnh An Giang, Tiền Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Vĩnh Long, với tổng chi phí 800 triệu đồng. PNJ mong muốn cùng với toàn xã hội mang đến cho người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, những mảnh đời thiếu may mắn được đón tết vui vẻ và ấm áp hơn, đặc biệt là những đối tượng như trẻ em nghèo, khuyết tật, người nghèo, người già neo đơn và những bệnh nhân nghèo.

Đi bộ gây quỹ vì người nghèo và trao tặng 100 triệu đồng

300 CB.CNV của PNJ đã tham gia cuộc đi bộ và Quỹ từ thiện PNJ đã ủng hộ 100 triệu đồng. Đây là cuộc đi bộ do UBMTTQTPHCM cùng phối hợp với các cơ quan, ban ngành thành phố và Báo Doanh nhân Sài Gòn tổ chức nhằm vận động nhiều nguồn lực trong cộng đồng để giúp đỡ người nghèo.

Dành gần 700 triệu đồng cứu trợ đồng bào bị bão lũ tại miền Trung

Đã tổ chức 2 đợt cứu trợ cho đồng bào bị thiệt hại nặng trong cơn bão số 9 tại Tỉnh Quảng Ngãi và Tỉnh Quảng Nam. Đây là những địa phương chịu thiệt hại nhiều nhất Tổng trị giá chuyển cứu trợ gần 600 triệu đồng. Đây là số tiền mà quỹ từ thiện PNJ đã tổ chức vận động toàn thể CB/CNV PNJ tình nguyện ủng hộ và các công ty thành viên, khách hàng...

Giúp vốn hỗ trợ làng nghề 500 triệu đồng

Quỹ từ thiện PNJ đã chi 500 triệu đồng để hỗ trợ cho Dự án Giúp vốn làng nghề - Nâng cao đời sống của quỹ EDF (Báo SGTT), để thực hiện các dự án nhằm giúp chị em nghèo ở các làng nghề như làm kẹo dừa, bánh tráng, khô cá lóc, chổi, trồng sen, hoa lan, nuôi heo tại TP. HCM, Bến Tre, Long An, Quảng Ngãi gây dựng công ăn việc làm lâu dài, vươn lên thoát nghèo, nuôi con ăn học, để các em không bỏ trường, bỏ lớp...

Trao tặng học bổng, tài trợ các chương trình phát hiện tài năng tổng trị giá 500 triệu đồng

Trao 100 suất học bổng PNJ cho 100 em học sinh nghèo, vượt khó của quận Phú Nhuận, và là năm thứ 10 liên tiếp (kể từ năm 2000) PNJ tặng học bổng cho các em, với tổng trị giá 100 triệu đồng/năm, nhằm chia sẻ một phần những khó khăn của các em trước thềm năm học mới

Tài trợ 360 triệu đồng cho Cuộc thi thiết kế dành cho các nhà thiết kế tuổi teen mang tên "Mực tím Style 2009" do báo Mực tím tổ chức. Đây là lần thứ 4 liên tiếp tài trợ cuộc thi này và đã thật sự tạo ra một sân chơi khá thú vị cho tuổi teen yêu thích thiết kế thời trang, thu hút các nhà thiết kế teen trên mọi miền đất nước tham gia

Chăm sóc trẻ em nghèo, khuyết tật

Quỹ từ thiện PNJ tổ chức tặng quà, sinh hoạt với 100 trẻ em bị khuyết tật, thiếu năng bẩm sinh của Trường Chuyên biệt Niềm Tin Quận Phú Nhuận, đây cũng chính là ngôi trường PNJ đã tài trợ gần 1 tỷ đồng để xây dựng các dãy phòng học cho các em và hỗ trợ tiền lương cho giáo viên của trường mỗi tháng 2,5 triệu đồng từ năm 2005 đến nay.

Hoạt động hiến máu nhân đạo

Ở PNJ, luôn có lực lượng tình nguyện viên hiến máu nhân đạo, luôn sẵn sàng hiến máu kịp cứu những bệnh nhân nghèo khó khăn cần máu, cũng như hàng trăm anh chị em vẫn đều đặn mỗi năm đăng ký các đợt hiến máu do công ty tổ chức, để hàng trăm đơn vị máu từ PNJ được hiến tặng cho các bệnh viện, viện tim, để giúp đỡ cho những bệnh nhân nghèo kịp vượt qua những cơn bạo bệnh

Với những đóng góp cho cộng đồng trong suốt nhiều năm liền, cuối năm 2009 vừa qua, Quỹ từ thiện và Công đoàn PNJ đã vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng 3 và Bà Cao Thị Ngọc Dung, TGD PNJ cũng vinh dự được Thủ tướng Chính Phủ trao tặng Bằng khen cho thành tích xuất sắc trong công tác xã hội từ thiện.

> VĂN HÓA DOANH NGHIỆP



PNJ luôn đề cao uy tín, chất lượng và kích thích sáng tạo, tận dụng mọi nguồn lực của doanh nghiệp, trong đó nguồn nhân lực luôn được chú trọng. Xây dựng nếp văn hóa Mái Nhà Chung PNJ mà ở đó mỗi thành viên trong gia đình PNJ đều sống có nghĩa tình, đoàn kết thương yêu giúp đỡ nhau, được khuyến khích nâng cao trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn và quản lý thông qua các lớp đào tạo bên trong và bên ngoài. Sự nỗ lực trong học tập và công tác của các thành viên được tương thưởng xứng đáng bằng thù lao vật chất, bằng động viên tinh thần và bằng việc bổ nhiệm vào những vị trí xứng đáng. Thông qua các hoạt động đoàn thể, PNJ luôn giáo dục cán bộ, nhân viên của mình sống trong một nền văn hóa mà ở đó Nhân - Lễ - Nghĩa - Trí - Tín được đề cao, có tinh thần trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng, là những công dân tôn trọng pháp luật.

> DANH BẠ CÔNG TY THÀNH VIÊN



Tên công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI SẢN S.G

Tên quốc tế: S.G FISHERIES JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: S.G FISCO

Trụ sở chính: Lô C 24-24b/II, đường 2F, Khu Công Nghiệp
Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Tp. HCM

Điện thoại: 84.8.7652061 - **Fax:** 84.8.4252407

Email: sgfisco@hcm.vnn.vn

Website: www.sgfisco.com.vn



Tên công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG ĐẠI VIỆT

Tên quốc tế: Dai Viet Energy Joint Stock Company

Tên viết tắt: Dai Viet Energy

Trụ sở chính: 176/6 Dương Quang Hàm, P. 5,
Q. Gò Vấp, Tp. HCM

Điện thoại: (08) 985.55.33 - **Fax:** (08) 985.57.57

Email: info@nangluongdaiviet.com

Website: www.nangluongdaiviet.com



Tên công ty:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỜI TRANG CAO

Tên quốc tế: CAO Fashion Company Limited

Tên viết tắt: CAF

Trụ sở chính: 170E Phan Đăng Lưu – Phường 3
Quận Phú Nhuận – Tp HCM

Điện thoại: (08) 3990 0776 - **Fax:** (08) 3995 1702

Website: www.caofinejewellery.com

> CÔNG TY LIÊN KẾT



Tên doanh nghiệp:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á

Tên tiếng Anh: DongA Commercial Joint Stock Bank

Tên giao dịch: DongA Bank (DAB)

Địa chỉ: 130 Phan Đăng Lưu, Phường 3,
Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 995 1483 - **Fax:** (08) 995 1614

Email: 1900545464@dongabank.com.vn

Website: www.dongabank.com.vn



Tên công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÔNG Á

Tên quốc tế: Dong A Land Joint Stock Company

Tên viết tắt: Dong A Land JSC

Trụ sở: 43R/12 Hồ Văn Huê, Phường 9
Q. Phú Nhuận, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3845 6858 - **Fax:** (08) 3845 7341

Email: doda@diaocdonga.com

Website: www.diaocdonga.com



Tên công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Tên quốc tế: SAIGON FUEL CORPORATION

Tên viết tắt: SFC

Trụ sở chính: 1A Phạm Ngọc Thạch, P. Bến Nghé,
Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (08) 38.295.468

Fax: (08) 38.239.173

Email: info@sfc.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

170E Phan Đăng Lưu – Phường 3 – Quận Phú Nhuận – Tp HCM

Điện thoại: 08.39951703 - Fax: 08.39951702

www.pnj.com.vn